

LỜI ĐẦU SÁCH

Gần đây, mỗi lần đi dự lễ lớn của Phật Giáo, chúng tôi nhận thấy một số người xuất gia hiện diện, Ni chúng đông gấp hai lần Tăng chúng. Qua hiện tượng này, chúng tôi tự nhận mình còn một khuyết điểm lớn. Bởi những năm qua chúng tôi soạn dịch được ba cuốn Sử Thiền Sư từ Trung Hoa đến Việt Nam, tuyệt nhiên không có quyển nào nói riêng về Thiền Sư Ni.

Người xưa, vì trọng nam khinh nữ, nên lờ qua việc này là phải. Hiện nay, nam, nữ bình đẳng, chúng ta không có quyền thông qua một cách dễ dàng. Hơn nữa, ngày xưa phái nữ xuất gia rất ít, đa số xuất gia là nam giới, không chú tâm đến Thiền Sư Ni là lẽ đương nhiên.

Ngày nay, phái nữ xuất gia đông hơn phái nam, làm sao chúng ta không chú tâm đến việc này được?

Bởi lẽ đó, chúng tôi bắt đầu soạn quyển Sử Thiền Sư Ni. Khi bắt tay vào việc, chúng tôi thấy thật quá khó khăn. Vì lẽ, người xưa đã coi thường nữ giới, nên những Thiền Sư Ni có tài cao, đức trọng ít được nhắc đến, mà chỉ thấy qua vài đoạn đối đáp với Thiền Sư Tăng thôi. Đầu đuôi, gốc ngọn không tìm đâu ra. Tài liệu, lịch sử thật là khô khan, thiếu sót. Nếu đòi hỏi phải có sử liệu đầy đủ mới ghi vào, thì Thiền Sư Ni nhiều lắm chừng năm, ba vị. Buộc lòng, chúng tôi được bao nhiêu thì chép bấy nhiêu, có còn hơn không. Vì thế, độc giả sẽ thấy có những vị ni nổi danh mà lịch sử ghi không quá nửa trang giấy.

Chúng tôi chia quyển sử này ra làm hai phần: Như Lai Thiền và Tổ Sư Thiền.

Như Lai Thiền là Thiền Phổ Thông do Đức Phật dạy chung cho tất cả Tăng, Ni và cư sỹ tu.

Tổ Sư Thiền là Thiền đặc biệt, chỉ nói riêng cho tổ Ca Diếp truyền mãi đến Tổ Bồ Đề Đạt Ma và truyền sang Trung Quốc đến Việt Nam.

Những vị Ni Xuất gia thời Đức Phật đều tu theo Như Lai Thiền. Mãi đến sau này, khi tổ Bồ Đề Đạt Ma truyền Thiền tông sang Trung Hoa mới có những vị Ni tu theo tổ Sư Thiền.

Về Như Lai Thiền, chúng tôi mạn phép Thượng Tọa Thích Minh Châu đề trích dẫn một số bài trong tập "Các bài Kệ của Trưởng Lão Ni" do Thượng Tọa dịch trong tạng Pali và xin tri ân Thượng Tọa.

Đồng thời, chúng tôi trích dịch trong bộ Kinh Tăng Nhất A Hàm một số bài. Đến Trung Quốc, trước thời Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang, có một số Ni tu Thiền đạt đạo, còn ghi trong bộ "Tỳ Kheo Ni Truyện" chúng tôi cũng trích dịch.

Sang Tổ sư Thiền, chúng tôi lược lặt từ những bộ Truyền Đăng Lục, Chi Nguyệt Lục, Sơn Am Tập Lục, Tùng Lâm Thanh sự, Cẩm Sơn Vân Ngọa Ký Đàm, Ngũ Đăng Hội Nguyên Tiết Dẫn.

Bởi tên quyển sách là Thiền sư Ni, nên chúng tôi chỉ ghi vào đây những vị Ni tu Thiền đắc đạo, còn những vị Ni tu theo pháp môn khác, tuy có nổi danh, song vẫn không

ghi lại nơi đây. Cũng có lắm vị tu thiền đắc đạo, nhưng vì công hạnh tương tự nhau, nên chúng tôi chỉ ghi lại đôi ba vị đại biểu thôi. Cũng không phải từ thời Đức Phật đến nay, chỉ có được bao nhiêu vị Thiền sư Ni tu hành đắc đạo ghi trong quyển sách này, chẳng qua là chúng tôi nhắm đến những vị Thiền sư Ni có công hạnh đặc biệt nhằm khích lệ cho người sau, nên chỉ ghi có bấy nhiêu.

Về phần chất lượng, thì quyển sách này thật nghèo nàn. Song chúng tôi mong rằng nó sẽ đóng vai trò nền tảng để người sau nối tiếp và bổ túc cho được phong phú hơn.

Tu viện CHƠN KHÔNG

Đầu Xuân Canh Thân - 1980

Thích Thanh Từ

NHƯ LAI THIÊN AN ĐỘ



Sư Ni MAHAPAJAPATI-GOTAMI

(Ma-ha-ba-xà-ba-đề) Cao bộ Đệ Nhất

Trước bậc đạo sư ra đời, nàng được sanh ở Dovadehav, trong gia đình Maha Suppabuddha. Tên gia đình nàng Gotami. Nàng là em gái của Mahamaja. Các thầy đoán tướng, tiên đoán rằng: "Các người con của hai chị em sẽ là Chuyên Luân Vương. Vua Suddhodana khi đến tuổi trưởng thành cưới cả hai chị em".

Sau đó, bậc Đạo Sư Đản sanh và trong khi Chuyên Pháp Luân, Ngài đi đến Vasali độ Phụ Vương chứng quả A La Hán đến khi mệnh chung.

Rồi Mahapajapati muốn xuất gia. Nàng xin phép bậc Đạo Sư, nhưng không được chấp nhận, bèn cắt tóc, đắp y và sau thời giảng kinh về tinh thần nỗ lực, nàng ra đi với 500 Thích Ca nữ mà các người chồng đã xuất gia. Đến Vasali xin bậc Đạo Sư cho xuất gia. Với sự can thiệp của Tôn giả A Nan, bậc Đạo sư chấp nhận và dạy Tám kinh Pháp cho các Tỷ kheo Ni.

Sau khi xuất gia Mahapajapati đến yết kiến Đức Phật và đứng qua một bên. Ngài thuyết pháp cho nàng và nàng tinh cần tinh tấn chứng được quả A La Hán với trí tuệ trực giác và phân tích.

Năm trăm Tỷ Kheo Ni, sau khi nghe Ananda giáo giới, đều chứng được Sáu Thắng Trí.

Một ngày kia, khi bậc Đạo sư ngồi giữa thánh Chúng tại Tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xác nhận Mahapajapati là vị có kinh nghiệm độc nhất sống hưởng thọ, hạnh phúc, giải thoát Niết bàn.

Để nói lên lòng biết ơn của mình Mahapajapati tuyên bố Chánh Trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho nàng, mà trước đây nàng không được gặp.

Bậc Giác Ngộ anh hùng,

Con xin đánh lễ Ngài

Ngài là bậc tối thượng,

Giữa mọi loài chúng sanh.

Ngài giải khổ cho con,

Cùng rất nhiều người khác.

Liễu tri mọi đau khổ,

Gột sạch nhân khát ái.

Con đường Thánh Tám ngành,

Đoạn diệt, ta chứng ngộ.

Trước ta sống là mẹ,

Là con, là Cha, anh,

Là ông nội, ông ngoại.

Đời sống trước là vậy,

Nay ta thấy Thế Tôn,

Thân này thân tối hậu

Sanh, tử được đoạn tận,

Nay không còn tái sanh.

Siêng tinh cần, nỗ lực,

Thường kiên trì, tinh tấn,

Hãy thắng, đệ tử Phật,

Hòa hợp, đánh lễ Ngài.

Vi hạnh phúc mọi người,

Ma Gia sanh Cù Đàm,

Giải thoát nhơn đau khổ,

Cho người bị bệnh chết.

(Trích Dẫn Trường lão Ni Kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)

- Tên tộc Gotami gọi là Mahapajapati. Vì các nhà tiên tri bảy giờ tiên đoán sau này bà sẽ cầm đầu một đám đông lớn.

Hoàng hậu Maja mất, bà nuôi thái tử Sĩ Đạt Đa, còn Nandā thì bà nhờ bà vú nuôi lo lắng.



Sư Ni ĐẠI ÁI ĐẠO và

Năm Trăm Sư Ni nhập Niết Bàn.

Sư Ni Đại Ài Đạo Cù Đàm Di (Mahapajapati Gotami) đang du hành tại thành Tỷ Xá Ly ở chùa ao Đài cùng năm trăm vị đại Tỷ Kheo ni là bậc A La Hán, các lậu đã sạch.

Khi ấy, Sư Ni Đại Ài Đạo nghe Chư Tỷ Kheo nói:

- Còn không quá ba tháng, Như Lai sẽ diệt độ dưới cội cây Sa La Song Thọ tại thành Câu Thi La.

Sư Ni nghe thế, liền khởi nghĩ:

- Ta không cam thấy Như Lai diệt độ, cũng không cam thấy A Nan diệt độ. Nay, ta nên diệt độ trước.

Sư Ni đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

- Con không cam thấy Thế Tôn và A Nan diệt độ. Cúi xin Thế Tôn cho phép con diệt độ trước.

Phật lặng thinh hứa khả, Sư lại bạch:

- Cúi mong Thế Tôn, từ nay về sau cho các Tỳ Kheo Ni thuyết giới.

Phật bảo:

- Nay ta cho Tỳ Kheo cùng Tỳ Kheo ni thuyết giới cấm giới, như ta trước đã thi hành cấm giới, để khỏi sai lầm.

Sư Ni liền đến trước, lễ dưới chân Phật, đứng trước Phật thưa:

- Từ nay, con sẽ không còn thấy nhan sắc của Thế Tôn, lại cũng không thấy chư Phật tương lai, chẳng còn thọ bào thai, hằng trụ vô vi. Hôm nay, rời hình dáng Thế Tôn không bao giờ thấy trở lại.

Sư ni đi nhiều bảy vòng, đi nhiều A Nan bảy vòng, đi nhiều chúng Tỳ kheo, trở lui ra về. Về đến trong chúng Tỳ Kheo ni, Sư bảo chúng:

- Nay ta muốn vào Vô dư y niết bàn. Sở dĩ như thế, vì Như Lai không bao lâu sẽ diệt độ. Các người nên tùy nghi thi hành.

Khi ấy, Tỳ Kheo ni Sai Ma, ưu Bát Sắc, Ca Lợi Thi, Xá Cru Lợi, Xoa Ma. Bát Đà Lan Già, Bà La Già La, Chiên Diên, Xà Da và năm trăm vị đồng đi đến chỗ Phật, đứng qua một bên. Tỳ Kheo ni Sai Ma (KHEMA) là Thượng thủ trong 500 Tỳ Kheo ni đại diện, bạch Phật:

- Cả thầy chúng con nghe Thế Tôn không bao lâu sẽ diệt độ, chúng con không cam thấy Thế Tôn và A Nan diệt độ trước. Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Chúng con ngày nay nhập Niết Bàn là rất hợp thời.

Phật lặng thinh hứa khả. Tỳ Kheo ni Sai Ma cùng 500 Tỳ Kheo ni thấy Thế Tôn lặng thinh hứa khả liền đến lễ dưới chân Phật, đi nhiều ba vòng rồi trở lui. Chư Tỳ Kheo ni về đến chùa, Sư ni Đại Aùì Đạo đóng cửa Giảng đường, đánh chuông báo chúng, trải tọa cụ ngoài khoảng trống, phi thân lên hư không, ở trong không, ngồi, nằm, đi, lại, hoặc phát lửa, dưới thân ra khói, trên thân ra lửa, hoặc toàn thân phát lửa, toàn thân phát khói, hoặc hông trái ra nước, hông phải ra lửa, hông phải ra nước, hông trái ra lửa, hoặc phía trước ra lửa, phía sau ra nước, phía trước ra nước, phía sau ra lửa, toàn thân ra lửa, toàn thân ra nước.

Sư Ni làm những thứ biến hóa xong, trở lại tọa cụ ngồi kiết già, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước nhập sơ Thiền, từ Sơ Thiền xuất nhập Nhị thiền, từ Nhị Thiền xuất nhập Tam Thiền, từ Tam Thiền xuất nhập tứ Thiền, từ Tứ Thiền xuất nhập Không Xứ, từ Không xứ xuất nhập Thức xứ, từ Thức Xứ, xuất nhập Vô Sở Hữu Xứ, từ Vô Sở Hữu Xứ xuất nhập Phi Phi Tướng xứ, từ Phi Phi Tướng xứ xuất nhập Diệt Thọ Tướng Xứ, từ diệt Thọ Tướng Xứ xuất nhập lại Phi Phi Tướng xứ, từ Phi Phi Tướng Xứ xuất nhập lại vô Sở Hữu Xứ, từ Vô Sở Hữu Xứ xuất nhập Thức Xứ, từ Thức Xứ xuất nhập Không Xứ, từ Không xứ xuất nhập tứ Thiền, từ Tứ Thiền xuất nhập Nhị Thiền, từ Nhị Thiền xuất nhập Sơ Thiền, từ Sơ Thiền xuất nhập lại Nhị Thiền, từ Nhị Thiền xuất nhập

Tam Thiền, từ Tam Thiền xuất nhập lại Tứ Thiền, Thiền, nhập Tứ Thiền xong, sư Ni diệt độ.

Bấy giờ, trời đất rung động, bốn phương gió mát thổi đến, chư thiên ở trên không thổi nhạc, Chư Thiên dục giới buồn khóc, hương hoa thân diệu rải trên thân Sư Ni cúng dường.

Tiếp theo đó, Tỳ Kheo Ni Sai Ma, tỳ Kheo ni Ưu bát Sắc, Tỳ Kheo Ni Cơ Lợi Thi, Cù đàm Di, Tỳ Kheo ni Xá Cù Ly, Tỳ Kheo ni Xoa Ma, Tỳ Kheo ni Ba Da Lan Già La, Tỳ Kheo ni Chiên Diên, Tỳ Kheo ni Xà Na đều là hàng Thượng Thủ của 500 Tỳ Kheo ni, mỗi vị đi đến chỗ đất trống, trải tọa cụ, phi thân lên hư không, ở trong hư không, ngồi, nằm, đi, lại làm 18 pháp biến hóa cho đến nhập thọ, tường, diệt rồi vào Niết Bàn. Cả thầy 500 vị Tỳ Kheo ni đều làm như thế mà vào Niết Bàn.

Khi ấy, có hai vị Sa Di ni là Nan Đà, Ưu Bát Nan Đà trông thấy các thầy mình đều diệt độ, tâm kinh hãi, sầu não tự quán sát: "phàm là pháp có hợp đều phải tan".

Chính khi quán sát, liền chứng được Tam minh, Lục thông. Hai vị phi thân lên hư không, làm 18 pháp biến hóa xong nhập Niết Bàn.



Sư Ni KHE MA (Sai Ma)

Trí Tuệ Đệ Nhất

Trong thời Đức Phật tại thế, nàng được sanh trong nước Makida (Ma Kiệt Đà) ở Sagala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khe Ma, nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu vua Bimpibara. Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm) nàng không đi đến yết kiến Đức Phật, vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình.

Vua muốn nàng đi đến Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này. Cuối cùng, nàng bằng lòng đến thăm. Vua đi đến Tịnh Xá, không thấy Thế Tôn, nhưng muốn cho nàng thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giả Tịnh xá, vẫn chưa gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp Đức Phật một cách miễn cưỡng.

Đức Phật dùng thần lực hóa hiện một Tiên Nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mặt nàng, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên, trở thành già yếu, răng rụng, tóc bạc, da nhăn và rồi ngã xuống đất với chiếc quạt. Khe Ma thấy vậy, tự hỏi:

- Không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự như vậy hay không?

Thế Tôn biết tâm trạng của nàng, bèn nói lên bài kệ:

Người đắm say sắc dục,

Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt,

Người trí cắt đứt nó,

Bỏ mọi khổ không màng.

(Pháp Cú Kệ 347)

Sau khi bậc Đạo sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu. Sau khi được Vua cho phép xuất gia và trở thành vị A La Hán. Sau đó, nàng tu tập Thiền quán và nổi danh về môn tu này.

Khi Đức Phật ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hàng Thiền quán Đệ Nhất. Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, ác ma hiện lên dưới một hình thức người thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

- Nàng vừa trẻ, vừa đẹp,

Ta vừa trẻ, vừa xuân,

Với cung đàn, năm điệu,

Hãy vui hưởng Khema!

Nàng đáp:

- Với thân hôi thúi này,

Bệnh hoạn và mỏng manh,

Ta nhàm chán, ghét bỏ

Dục, ái, đã nhỏ lên,

Dục: ví như guom, giáo

các Uẩn: đoạn đầu dài,

Điều người nói dục lạc

Nay ta đã xa lìa.

Mọi nơi hỷ duyệt đoạn

Khổ si ám tan tành,

Hãy biết vậy ác ma

Người bị hại, ma vương.

Người đánh lễ vàng sao,

Người thờ lửa, rừng sâu,

Người không biết như thật,

Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.

Còn ta, ta đánh lễ,

Bậc Giác ngộ thượng nhân,

Giải thoát mọi khổ đau,

Hành lời Đạo sư dạy!

(Trích dẫn Trường Lão Ni Kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)

Sư Ni Khe Ma có một đoạn đối đáp với vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) nước Kosala, được ghi lại trong Samyutta Nikaya IV (do T.T. Thích Chơn Thiện dịch).

- Thưa Nữ Tôn giả, Đức Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

- Tâu Đại Vương, Đức Như Lai không dạy rằng: Như Lai có tồn tại sau khi chết.

- Thưa Nữ Tôn Giả, vậy là Đức Như Lai không tồn tại sau khi chết.

- Tâu Đại Vương, Đức Thế Tôn cũng không dạy rằng: Như Lai không tồn tại sau khi chết.

- Thưa Nữ Tôn giả, thế thì, Đức Như Lai tồn tại, đồng thời không tồn tại sau khi chết.

- Tâu Đại Vương, Đức Thế Tôn cũng không dạy như thế.

- Thưa Nữ tôn Giả, tại sao đức Thế Tôn lại không dạy như thế?

- Tâu Đại Vương, cho phép tôi hỏi ngài một câu hỏi và Ngài trả lời xem Ngài nghĩ thế nào? Tâu đại vương, Ngài có một kế toán viên hay một Tài Sư, hay một Ngân khố viên có thể đếm được cát sông Hằng (Gange) và có thể bảo rằng: có bao nhiêu hạt cát, bao nhiêu trăm, bao nhiêu nghìn hay bao nhiêu trăm nghìn hạt cát được chăng?

- Thưa nữ Tôn giả, tôi không có được người như thế.

- Hoặc Ngài có một Kế toán viên, hay một Tài Sư, hay một Ngân Khố viên có thể đong được nước trong đại dương và có thể bảo rằng: có bao nhiêu thùng nước, bao nhiêu trăm, bao nhiêu nghìn hay bao nhiêu trăm nghìn thùng nước được chăng?

- Thưa Nữ tôn giả, không thể được.

- Tại sao vậy?

- Đại dương thì sâu, không đong, không dóc được. Nếu muốn biết bản thể của Như Lai nhờ vào những thuộc tánh danh sắc thì cũng như thế. Ở Như Lai, những thuộc tánh danh sắc đã bị loại bỏ, sức của chúng đã bị đoạn trừ, giống như một cây cọ bị nhổ bật hẳn lên và để nằm đó không còn phát triển được nữa.

Tâu Đại Vương, Như Lai vượt ngoài những đo lường hữu vi thế gian. Bản thể của Như Lai cũng như Đại dương thâm sâu không thể đo lường. Vì vậy, bảo rằng Như Lai tồn tại hay không tồn tại, hay vừa tồn tại vừa không tồn tại hoặc không tồn tại cũng không không tồn tại sau khi chết thì thật không đúng.



Sư Ni SAKULA (Cổ Câu La)

Thiền Nhãn đệ nhất

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng được sinh làm Bà La Môn ở Savatthi, tên là Sakula, khi Đức Phật nhận Tịnh xá ở Jetavana (Kỳ Viên) nàng trở thành người Tín Nữ và về sau nghe được một vị A La Hán thuyết pháp, nàng phát nguyện xuất gia, tinh cần triển khai Thiền quán và cuối cùng chứng quả A La Hán. Về sau, tùy theo lời phát nguyện, nàng được Thế Tôn tán thán là Thiền nhãn đệ nhất. Sau khi suy tư đến chứng quả của mình, nàng phấn khởi, hoan hỷ và nói lên bài kệ:

Khi sống ở gia đình,
 Nghe Tỳ Kheo thuyết pháp,
 Ta thấy pháp vô uế
 Đạo niết bàn bất tử (97)
 Ta từ bỏ con trai, gái,
 Cả tài sản, lúa gạo,
 Cạo tóc, ta xuất gia,
 Sống đời sống không nhà (98)
 Ta làm người học nữ,
 Tu tập con đường chánh,
 Đoạn tận tham và sân,
 Đoạn từng lậu hoặc một (99)
 Thọ giới Tỳ Kheo ni,
 Ta nhớ đời quá khứ,
 Thiên nhân ta thanh tịnh.
 Không uế, khéo tu tập (100)
 Thấy các hàng ngoại điện (parats)
 Do nhân sanh biến hoại.
 Ta đoạn mọi lậu hoặc
 Mát lạnh ta tịch tịnh (101)
(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)



Sư Ni UPPALAVANNA (Liên Hoa Sắc)

Thần thông đệ nhất

Trong đời Đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Savatthi, con gái của vị Trưởng Kho bạc, vì da nàng màu tím của sen xanh, nên được gọi là Uppalavanna. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, Vua và thường dân giành nhau đến cưới nàng. Vị trưởng kho bạc không thể làm vừa lòng mọi người, nghĩ ra một kế để giải quyết, liền gọi Uppalavanna đến và bảo nàng xuất gia. Vì căn cơ đã thuần thực, nên nàng nhận lời ngay và được đưa đến Tịnh Xá Tỳ Kheo ni để xuất gia.

Sau một thời gian, khi nàng phụ trách công việc dọn dẹp phòng để làm lễ Bồ Tát, nàng thắp ngọn đèn và quét phòng. Rồi lấy ngọn đèn làm tướng để Thiên quán. Không bao lâu, nàng chứng được quả A La Hán và trở thành vị Thần thông đệ nhất. Bạc Đạo Sư ngồi giữa đại chúng ở Jetavana ẩn chứng cho nàng là Thần thông đệ nhất. Nàng suy tư trên quả an lạc của Thiền và Thánh quả, nói lên một số bài kệ. Nàng sung sướng nói lên quả chứng của mình:

Ta biết các đời trước,
 Thiên nhân được thanh tịnh
 Trí được biết tâm người,
 Nhĩ giới được trong sạch.
 Ta chứng được thần thông,
 Lâu tận ta đạt được.
 Ta chứng sâu thắng trí
 Lời Phật dạy làm xong!
 Nàng hiện lên một thần thông với sự chấp thuận của bạc Đạo Sư và ghi như sau:
 Do hiện hóa thần thông,
 Ta đến xe bốn ngựa,
 Ta đánh lễ chân Phật,
 Thế giới chủ quang vinh!
 Nàng bị ác ma đến quấy phá tại rừng cây Sa La, nàng trách móc ác ma:

Aùc Ma:

- Nàng đi đến gốc cây,
 Đang nở hoa tuyệt đẹp,
 Nàng đến đứng một mình,
 Dưới gốc cây có hoa.

Nàng chỉ đến một mình,
 Này kẻ đại khờ kia,

Sao nàng lại không sợ,
 Có kẻ cầm đồ nàng.

Nàng:

- Trăm ngàn người cầm đồ,
 Có đến đây như người,
 Mây lông ta không động,
 Ta chẳng gì hoảng hốt,

Aùc Ma làm gì ta,
 Khi người đến một mình?

Aùc Ma:

- Ta có thể biến mất,
 Hay vào bụng nhà người,
 Ta đứng giữa hàng mi,
 Người không thấy ta đứng.

Nàng:

- Với tâm khéo nhiếp phục,

Thần túc khéo tu trì,
 Sáu Thắng trí ta chứng,
 Lời Phật dạy làm xong.
 Các dục giống gương, giáo
 Chém nát các Uẩn ta,
 Những dục mà người gọi,
 Là lạc thú cuộc đời,
 Ngày nay dục lạc ấy,
 Với ta không hấp dẫn,
 Ở tất cả mọi nơi,
 Hỷ, lạc được đoạn tận,
 Khỏi tối tăm mù ám,
 Đã bị làm tan nát,
 Hỡi này kẻ ác ma,
 Người hãy biết như vậy,
 Người chính là ác ma,
 Người đã bị bại trận!

(Trích dẫn Trưởng lão Ni kệ do T.T Minh Châu dịch từ Pali)

Thế Tôn 49 ngày tại Cung Trời Đạo Lợi vì mẹ thuyết pháp lúc trở về, bốn chúng, tám bộ cùng đến nghênh tiếp. Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc nghĩ rằng:

- Ta thân Ni, tất phải ở sau đại tăng mà gặp Phật, chỉ bằng dùng thần lực, biến làm Chuyên Luân thánh vương, ngàn người con vây quanh, vừa gặp Phật, quả là mãn nguyện.

Đức Phật vừa trông thấy, liền quở:

- Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc, sao lại vượt đại tăng mà gặp ta. Người tuy thấy thân ta mà chẳng thấy pháp thân ta. Tu Bồ Đề ngồi yên trong hang núi lại thấy ta.

(*Hạnh Huệ*)



Sư Ni BHADDA (Kapaia)

Túc Mệnh Đệ nhất

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà La Môn, dòng họ Kesiya ở Sagala. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm vợ một nhà quý tộc tên là Pippaly ở làng Mahatitta. Khi người chồng xuất gia, nàng giao tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia. Nàng sống 5 năm tại Tithijarama, sau đó nàng được Mahapajapati cho thọ đại giới, nhờ triển khai Thiền quán, nàng chứng được quả A La Hán. Sau nàng trở thành một vị có biệt tài về các đời quá khứ.

Nàng được Đức Phật xem là biệt tài Đệ Nhất về đời sống quá khứ. Khi bậc Đạo sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỳ Kheo ni.

Một ngày kia, nàng nói lên những bài kệ nói đến kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão Kassapa (Đại Ca Diếp).

Con thừa tự Chư Phật,
 Ca Diếp khéo Thiền định,
 Biết được đời quá khứ
 Thấy cõi trời đọa xứ.
 Aãn sĩ đoạn, diệt sanh,
 Thắng trí được thành tựu,
 Cùng với Ba minh này,
 Là pháp chỉ Ba minh.
 Cũng vậy, nàng Bhadda.
 Người xứ Kapila
 Nàng là bậc Ba minh,
 Đã đoạn được sự chết,
 Mang thân này cuối cùng, Sau khi thắng quân ma,
 Thấy nguy hại ở đời,
 Hai chúng tôi xuất gia,
 Chúng tôi được chế ngự,
 Đoạn tận các lậu hoặc,
 Cảm xúc thành mát lạnh,
 Được tịch tĩnh (giải thoát)

(Trích dẫn Trưởng lão Ni Kệ do T.T Minh Châu dịch từ Pali)

Hôm nọ, Tỳ Kheo ni Bhadda (Bà Đa) tại thành Xá Vệ, hướng dẫn 500 Tỳ Kheo ni đi du hóa trong thành. Tỳ Kheo ni Bà Đa đi đến chỗ vắng dưới cội cây, trải tọa cụ ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, liền tự cười. Có Tỳ Kheo ni ở xa trông thấy Bà Đa cười, bèn đến trong chúng Tỳ Kheo bàn nhau, đồng đến chỗ Tỳ Kheo ni Bà Đa hỏi:

- Trưởng lão, có nhơn duyên gì? ngồi dưới gốc cây tự cười?

Tỳ Kheo ni Bà Đa bảo 500 Tỳ Kheo ni:

- Ta đến dưới cội cây này, tự nhớ việc vô số đời trước, lại thấy những thân đã trải qua thuở xưa, chết đây, sanh kia thấy đều thấy rõ ràng.

Bấy giờ, có nhiều thầy Tỳ Kheo nghe Tỳ Kheo ni Bà Đa tự nhớ vô số đời trước, đồng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, lui về một bên, đem việc bạch lại Như Lai. Thế Tôn bảo các thầy Tỳ Kheo:

- Các ông thấy trong số Thanh Văn Tỳ Kheo ni, có ai tự thấy việc vô số đời trước như Tỳ Kheo ni này chăng?
Chư Tỳ Kheo bạch Phật:

- Bạch, Thế Tôn, không thấy. Phật bảo các thầy Tỳ Kheo:

- Trong số đệ tử Thanh Văn của ta, người tự nhớ vô số đời trước, Tỳ Kheo ni Bà Đa là bậc nhất.

(H.T Thanh Từ trích dịch kinh Tăng Nhất A Hàm)



Sư Ni SIHA (Sư Từ)

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesaly (Tỳ Xá Ly) con gái của người chị Võ tướng Siha. Do vậy, nàng được đặt tên là Siha, như tên người cậu của nàng. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc đạo Sư thuyết pháp cho người cậu. Siha trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia. Khi nàng tu tập Thiền quán, nàng không thể chận đứng tâm tư chạy theo ngoại vật khả ý. Bảy năm bị dày vò, nàng kết luận: "Làm sao ta thoát khỏi nếp sống ức nhiễm này? Ta, hãy chết tốt hơn". Rồi, nàng cột một sợi giây trên cây, đút cổ vào thòng lọng để thắt cổ. Trong giây phút cuối cùng với sự cố gắng tinh cần chận chứa từ trước cho đến nay, nàng cố gắng triển khai Thiền quán. Đối với nàng, đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng. Trong giờ phút cuối cùng, trí huệ nàng được viên mãn với nội tâm Thiền quán, nàng chứng được quả A La Hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Mở thòng lọng ra, nàng trở về Tịnh xá, được thành một vị A La Hán, nàng sung sướng, phấn khởi nói lên bài kệ:

Không như lý tác ý,
Bị dục tham ám ảnh,
Ta trước bị giao động,
Không chế ngự được tâm,
Bị phiền não chi phối,
Lạc, tưởng ngự trị ta
Tâm ta không thẳng bằng,
Bị tham, dục chi phối,
Bảy năm sống ốm yếu
Vàng da, dung sắc xấu,
Ngày đêm không an lạc.
Ta sống chịu khổ đau,
Do vậy, ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ
Còn hơn sống hạ liệt.
Làm chắc dây thòng lọng,

Ta cột ở cành cây,

Quãng thòng lọng quanh cổ,

Tâm ta liền giải thoát.

(Trích dẫn Trưởng lão ni kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)



Sư Ni PHKADDA KUNDALAKESA

(Quân Trà La Hộ Đâu)

Thắng trí mau lẹ đệ nhất

Nàng sinh tại Rajaha, con gái của vị Thủ Khố của Vua và sống rất được cung chiều. Một hôm, quân lính dẫn một tên cướp đem đi hành hình. Nàng trông thấy, khi dẫn ngang qua nhà nàng, nàng bỗng đắm yêu hấn kỳ lạ, bèn xin cha lo lót cho hấn thoát chết. Và nàng được gả cho tên cướp.

Lễ cưới cử hành, tên cướp dụ nàng mang lễ vật lên núi cúng tế. Đến bờ vực thẳm, hấn lột hết nữ trang của nàng và định giết nàng. Thừa lúc sơ hở, nàng xin hấn cho nàng được hôn hấn lần cuối, hấn bằng lòng, nàng bèn nhân lúc đó xô hấn xuống bờ vực. Trở về, nàng chán ngán thế tục, bèn xin xuất gia theo giáo phái Ni Kiên Tử và nàng trở thành hùng biện đệ nhất.

Nàng đi khắp nơi thách thức các Triết nhân tranh biện và nàng thắng tất cả. Một hôm, nàng đến Savatthi cùng với tôn giả Xá Lợi Phất (Sariputta) tranh luận. Nàng bị trí huệ của Tôn giả nhiếp phục và xin đánh lễ làm thầy. Tôn giả Sariputta khuyên nàng quy y Phật.

Sau khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp, nàng chứng quả A La Hán, liền đó được thọ đại giới và gia nhập Ni đoàn Sư ni QUÂN TRÀ LA

Sư là con gái Trưởng giả Đa La Đà. Hôm nọ, Sư tự nghĩ:

- Ta nghe Thế Tôn không còn bao lâu sẽ diệt độ. Ngày, tháng đã đến, ta nên đến thăm hỏi Thế Tôn.

Liền đó, Sư ra khỏi thành Tỳ Xá Ly, đi đến chỗ Thế Tôn. Xa trông thấy Thế Tôn dẫn theo khá đông Tỳ Kheo cùng 500 đồng tử sắp đến Sa La Song Thọ. Sư đi đến nơi, đầu mặt lễ dưới chân Phật bạch:

- Con nghe Thế Tôn không còn bao lâu nữa sẽ diệt độ.

Phật bảo:

- Như Lai sẽ diệt độ vào giữa đêm hôm nay.

Sư thưa:

- Con xuất gia học đạo chưa viên mãn bản nguyện, mà Thế Tôn đã bỏ con diệt độ. Cúi mong Thế Tôn vì con nói pháp vi diệu, khiến con được viên mãn bản nguyện.

Thế Tôn bảo:

- Nay, con nên suy xét về cội nguồn đau khổ.

Sư trầm ngâm giây lâu thưa:

- Bạch Thế Tôn, thật khổ, bạch Như Lai, thật khổ!

Phật hỏi:

- Con quán gì mà nói thế?

Sư thưa:

- Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, oán thù gặp gỡ khổ, thương yêu xa lìa khổ. Tóm lại, năm ấm tràn trề khổ. Bạch Thế Tôn, con quán nghĩa này nên nói khổ.

Chính khi suy xét nghĩa này, liền tại chỗ Sư chứng được Tam minh, Sư bạch Phật:

- Con không cam thấy Thế Tôn diệt độ. Xin Thế Tôn cho phép con diệt độ trước.

Phật lặng thinh hứa khả, Sư liền từ tòa đứng dậy, lễ dưới chân Phật, đến trước Phật, thân phi lên không, làm 18 phép biến hóa, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc đi, lại, trên thân ra khói, lửa, hoặc thu lại tự do không chút chướng ngại, hoặc phóng nước, lửa đầy đầy cả hư không. Biến hóa xong, Sư nhập Vô dư Niết bàn.

Khi ấy, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ Kheo:

- Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, Tỳ Kheo ni Quân Trà La là trí huệ lanh lẹ bậc nhất.

(H.T. Thanh Từ trích dịch Kinh Tăng Nhất A Hàm)



Sư Ni SOMA

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng sinh ra là con gái Vị Giáo chủ của vua Bimpisara (Binh Sa Vương) và được đặt tên là So Ma. Khi đến tuổi trưởng thành nàng trở thành một tín nữ, về sau, nàng xuất gia và nhờ triển khai Thiền Quán, nàng chứng được quả A La Hán với nghĩa tín thọ, Pháp tín thọ.

Ở tại Savatthi, một ngày kia nàng đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. Àc Ma đến, muốn phá sự an tịnh cô độc của nàng, nên tàng hình không cho nàng thấy và nói lên như sau:

- Địa vị khó đạt được,

Chỉ thánh nhân chứng đạt,

Trí nữ nhân hai ngón

Sao hy vọng chứng đạt?

Nàng cự lại Àc ma:

- Nữ tánh chướng ngại gì,

Khi tâm khéo thiền định

Khi trí, huệ triển khai

Chánh quán pháp vi diệu,

Ở tất cả mọi nơi,

Hỷ lạc được đoạn tận,

Khỏi tối tăm mù mịt

Đã bị làm tan nát,

Hỡi này kẻ ác ma,

Ngươi đã bị bại trận.

(Trích dẫn Trưởng lão Ni Kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)



Sư Ni SELA

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng được sinh làm công Chúa con vua nước Alavi, tên là Sela. Nàng cũng được biết với tên Alavika (người nước Alavi). Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo sư cảm hóa được vua cha, làm lễ xuất gia cho nhà vua và cùng đi đến Alavi.

Sela chưa lập gia đình, cùng đi với Phụ vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ. Về sau, nàng xuất gia chuyên tu Thiền quán và cuối cùng nhờ thiện duyên tốt đẹp, nhờ trí huệ được triển khai, nàng nhiếp được thân hành, khẩu hành, ý hành và chứng được quả A La Hán.

Về sau, nàng trở thành một Trưởng lão ni ở Savatthi. Một hôm nàng đi khỏi Savatthi để nghỉ ban ngày tại Andhavana, nàng ngồi dưới một gốc cây, Àc Ma muốn phá sự an tịnh độc cư của nàng, dưới hình thức một người lạ mặt đến với nàng và nói như sau:

Nàng sẽ không thoát khỏi,

Thoát ly khỏi đời này

Như vậy hạnh viễn ly,

Nàng dùng để làm gì?

Hãy thọ hưởng dục lạc

Chớ bút rút về sau!

Nghe rồi, nàng suy nghĩ:

- Đây là ác ma muốn ngăn chặn ta không được hưởng Niết bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A La Hán, vậy ta hãy làm cho nó mở mắt.

Nàng nói lên bài kệ:

- Các dục giống gươm giáo,

Chém nát các Uẩn ta,

Những dục mà ngươi gọi,

Là lạc thú cuộc đời,

Ngày nay dục lạc ấy,

Với ta không hấp dẫn,

Ở tất cả mọi nơi,

Hỷ lạc được đoạn tận
 Khỏi tối tăm mù ám,
 Đã bị làm tan nát.
 Hỡi này kẻ ác ma,
 Người hãy biết như vậy,
 Người chính là ác ma,
 Người đã bị bại trận!

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)



Sư Ni SUKKA

(Thuyết pháp hay)

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào trong một gia đình quyền quý ở Rajagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukka (sáng suốt). Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật, ở trong gia đình của nàng và trở thành một tín nữ. Về sau, nàng được nghe tin Dhammadinna thuyết pháp. Quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, nàng xuất gia với Dhammadinna. Sau khi tu Thiền quán, nàng chứng được quả A La Hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được 500 Tỳ Kheo ni đoan hỏi, nàng trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào thành Vương Xá khát thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về Tịnh xá của Tỳ Kheo ni. Tại đây, Sukka thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng. Thuyết hay cho đến nỗi các Tỳ Kheo ni cảm thấy như được nhận từ nàng những đường mật ngọt ngào, thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng, nhiệt tâm tín thành, rồi một vị Thần cây đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng, nên đi ra khỏi thành Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng và nói như sau:

- Hỡi này, người Vương Xá,
 Các người đã làm gì?
 Giống như người ngủ mê,
 Bị say vì dòng mật,
 Các người không hầu hạ,
 Sukka thuyết lời Phật
 Chúng tôi nghĩ bậc trí
 Uống được nước Cam Lộ
 Dòng nước thật thuần tịnh,
 Không có gì chướng ngại
 Chẳng khác người đi đường,
 Đón nhận nước trời mưa.

Khi nghe Thần cây nói như vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe nàng thuyết pháp.

Sau một thời gian vào cuối cuộc đời, khi nàng đang sửa soạn để từ giã cuộc đời, nàng muốn nói lên Pháp môn nàng dạy đưa đến giải thoát thế nào, nàng tuyên bố như sau về Chánh trí của nàng:

Hỡi này, nàng Sukka,
 Người con gái của ánh sáng
 Được ly tham tịch tĩnh,
 Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
 Hãy mang thân cuối cùng,
 Sau khi thấy quân ma!

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)



Sư Ni DULÔ

(Nghị Luận Đệ Nhất)

Phật và chúng Tỳ Kheo đang ở trong thành Tỳ Xá Ly bên hồ Di Hâu, được dân chúng cúng dường tứ sự, sung mãn. Ngược lại, Lục sư ngoại đạo cũng ở trong thành này, mà không được cúng dường. Chúng bực tức họp nhau lại bàn luận, định dẫn đến chỗ Phật để cùng Phật tranh luận, cố tình chiết phục Phật cho dân chúng mất niềm tin.

Khi ấy, Tỳ Kheo ni Du Lô hay tin này, bèn bay lên hư không, đến chỗ Lục Sư ngoại đạo nói kệ:

Thầy ta không thể sánh,
 Tôi tôn không ai bằng,
 Đệ tử đáng tối thượng,
 Ta tên Du Lô ni,
 Các người giỏi lý luận,
 Hãy cùng ta luận bàn,
 Ta sẽ đáp mọi việc,
 Như sư tử chụp nai,
 Bạc Như Lai chẳng có,
 Nếu ngoài thầy ta ra,
 Đủ sức hàng ngoại đạo,
 Ta là Tỳ Kheo ni.

Tỳ Kheo ni Du Lô nói kệ rồi, Lục sư ngoại đạo trông lên còn không thấy tướng mạo huông là nghị luận. Lúc đó, dân chúng trong thành Tỳ Xá Ly nhìn xa thấy Tỳ Kheo ni ở trong hư không cùng Lục Sư nghị luận, song Lục Sư không thể đáp được một câu, dân chúng vui mừng kêu to:

- Ngày này, Lục sư bị Tỳ Kheo ni khuấy phục. Lục Sư hồ thẹn ra khỏi thành Tỳ Xá Ly, không dám trở lại. Bấy giờ, nhiều thầy Tỳ Kheo nghe Tỳ Kheo ni Du Lô cùng Lục Sư nghị luận đắc thắng, liền đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật, bạch lại việc trên.

Thế Tôn bảo các thầy Tỳ Kheo:

- Tỳ Kheo ni Du Lô có đại thần túc, có đại oai thần, trí tuệ đa văn, ta hằng nghĩ rằng: Không ai có thể cùng Lục Sư nghị luận, chỉ có Như Lai và Tỳ Kheo ni Du Lô.

Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ Kheo:

- Các ông thấy những Tỳ Kheo ni khác, có ai hay hàng phục ngoại đạo như Tỳ Kheo ni này chăng?

Chư Tỳ Kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn bảo:

- Trong hàng Thanh văn đệ tử của ta, vị Ni hay hàng phục ngoại đạo, Tỳ Kheo ni Du Lô là bậc nhất.

(H.T. Thanh Từ trích dịch Kinh Tăng Nhất A Hàm)



Sư Ni SUNDARI NANDA

(Thiền định đệ nhất)

Trong thời Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc, thuộc dòng họ Thích Ca, tên là Nanda. Nàng có danh là Nanda hoa khôi.

Khi bậc Thế Tôn giác ngộ đi đến Kapilavathi và độ cho Nanda và Rahula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahapajapati xuất gia, nàng tự nghĩ: "Anh trưởng của ta đã từ chối không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành Đức Phật - một bậc siêu nhân - Con của Ngài là Rahula cũng xuất gia, anh của ta, Nanda cũng xuất gia, mẹ của ta Mahapajapati cũng xuất gia, chị của ta, mẹ của Rahula cũng xuất gia. Vậy, ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia?"

Như vậy, nàng xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình. Nàng xuất gia như vậy, nên sau khi từ bỏ gia đình, nàng vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình và không chịu đến yết kiến Phật, sợ Đức Phật quở trách nàng.

Trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp Tỳ Kheo ni Abhirêpa Nanda (xem bộ 19) với sự sai khác như sau: Khi nàng thấy hóa thân của một nữ nhân do Đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy trở thành già yếu dần dần, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến Thiền định.

Đức Phật thấy vậy, thuyết pháp cho nàng, như sau:

Nanda, hãy nhìn thân,

Bệnh bất tịnh, hôi thúi

Hãy tu tâm bất tịnh,

Nhất tâm, khéo định tĩnh

Như thân này, thân ấy

Như thân ấy, thân này,

Hôi thúi và rửa nát,

Chỉ kẻ ngu thích thú.

Như vậy, quán thân này

Ngày đêm không mệt mỏi

Với trí tuệ của người,

Do vậy, hãy thoát ly

Với trí tuệ của người,

Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,

Và người si nhìn thấy,

(Với, cái nhìn như thật)

Nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho nàng:

- Này Nanda, trong cái thân này không có chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt bị già, chết chi phối. (Như đã được nói trong tập Pháp cú)

Thân này làm bằng xương,

Quét tô bằng máu thịt,

Ở đây già và chết

Mạn, lừa đảo chất chứa

(Pháp cú kệ 150)

Khi Đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A La Hán và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của Thế Tôn và nói thêm:

Với tâm không phóng dật,

Như lý quán thân ấy,

Tánh như thật thân này,

Được thấy trong và ngoài.

Ta nhàm chán thân này,

Nội tâm được ly tham,

Không phóng dật ly hệ,

Ta an bình tịch tĩnh.

(Trích dẫn Trường Lão ni kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)



Sư Ni KSSA GOTAMI**(Thô Y Đệ Nhất)**

Nàng sinh tại Savatthi, trong một gia đình nghèo khổ. Khi trưởng thành, nàng được gả cho một gia đình giàu có và bị nhà chồng khinh thường. Đến khi, nàng sinh được một đứa con trai thì nàng được đối xử tốt hơn. Nhưng bất ngờ, đứa con bị bệnh và chết, nàng đau khổ phát cuồng, bèn ẵm xác con khắp nơi cầu xin cứu chữa.

Nàng đến Tịnh xá, xin Thế Tôn cứu đứa bé. Đức Phật bảo nàng hãy đến nhà nào không có người chết bao giờ xin về một hạt cải. Thế Tôn sẽ cứu được đứa bé.

Nàng lê xác con đi từng nhà tìm xin, nhưng nhà nào cũng có người chết. Nàng chợt tỉnh ngộ, hiểu được lời Thế Tôn dạy, bèn đem con vào nghĩa địa, rồi xin Phật xuất gia. Thế Tôn thuyết pháp, ngay đó nàng liền chứng được Sơ quả và được gia nhập Ni đoàn. Do tinh tấn triển khai Thiên quán, chẳng bao lâu nàng chứng A La Hán và được Thế Tôn khen ngợi nàng là Tỳ Kheo ni có hạnh mang Thô Y đệ nhất.

**Sư Ni PATACARA****(Trì luật đệ nhất)**

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị Thủ ngân khổ nhà vua ở Savatthi. Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ. Khi nàng sắp sinh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hèn lẩn lạ, cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết, rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng. Đến kỳ sanh nở lần thứ hai, sự việc lại xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: Giữa đường mưa to, gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá cây và làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con rắn từ gò mồi bò ra cắn chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con và trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi, nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to suốt đêm, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu, nên không thể bồng hai đứa con để lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại và để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thấy một con chim điều hâu, tưởng đứa con nít là một

miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dẫu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa bé lớn bên này bờ, nghe tiếng mẹ la, tưởng là mẹ kêu, liền lội xuống nước đi qua vừa bị nước cuốn trôi.

Thế là, hai đứa con và cả người chồng đều bị chết, nàng vừa khóc vừa đi về thành Savatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha, mẹ và em nàng, vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hở hang, nàng vừa khóc, vừa than:

Hai con ta đã chết, Chồng ta cũng chết luôn,

Rồi trên giàn hỏa táng

Cha ta và mẹ ta,

Cùng đứa em trai ta,

Vừa làm lễ thiêu đốt!

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi khổ đau của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả tơi, nàng được gọi là Patacara (kẻ mang xiêm áo). Người đi đường thấy nàng, gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhớp, bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo sư ở Jetavana (Kỳ Viên) đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng. Và cho phép nàng lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại. Quá cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất. Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ rồi nàng kể lại thân phận củamình.

- Thế Tôn, hãy cứu độ cho con, một đứa con bị con chim điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng.

Đức Phật nói:

- Nay Patacara, đừng nghĩ rằng người đến với một người có thể cứu độ cho người. Như nay, người than khóc vì con chết, vì chồng chết, vì cha mẹ chết. Cũng vậy, người đã than khóc trong kiếp luân hồi của người, vì rằng con, chồng và cha mẹ chết của người còn nhiều hơn nước sông bốn biển.

- Nước bốn biển ít hơn,

Nước mắt của loài người

Khóc than vì đau khổ,

Vậy sao người hủy hoại

Sinh mạng của chính người,

Trong khúc than, sầu khổ!

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi khổ đau của nàng được nhẹ dần. Rồi Đức Phật khuyên thêm:

- Ôi, Patacara, một người mệnh chung, thời con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, chúng cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết Bàn.

Rồi Đức Phật dạy rằng:

- Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa
Khi thân hoại, mệnh chung
Bà con, huyết thống người,
Không thể che chở người,
Thấy được sự thật này,
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết bàn!

Khi bậc Đạo sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ Kheo ni và cho phép nàng được xuất gia. Rồi, nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm, lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước và con đường nước chảy dài hơn. Đến lần thứ ba, nàng lại đổ nước con đường nước chảy dài hơn và biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ:

- Cũng vậy là loài người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già.

Đức Phật ở tại hương phòng của Ngài, phóng ra hào quang hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng:

- Hỡi nàng Patacara, như vậy là cuộc sống của loài người, cuối cùng cũng phải mệnh chung, vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn. Dầu cho chỉ thấy được một ngày hay chỉ một giờ, còn hơn là sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy.

Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh, diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh, diệt.

(Pháp cú 113)

Khi Thế Tôn nói xong, Patacara chứng được quả A La Hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư đến chứng quả của mình khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng được quả vị cao hơn và nói lên bài kệ:

Với cày, cày ruộng đất,
Gieo hạt giống trên đất

Loài người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con. (112)
Sao ta giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết bàn,
Không nhác, không dao động. (113)

Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,
Thấy được nước rửa chân,
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện (114)

Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi Tịnh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ
Ta nhìn quán (ngọn đèn) (115)

Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dầu,
Thấy cây đèn Niết bàn,
Tâm ta được giải thoát (116)

(Trích dẫn Trưởng Lão ni kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)



Sư Ni TÔNÀ (Sona)

Tinh tấn đệ nhất

Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc ở Savatthi. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được mười con trai, con gái và được biệt danh là: người nhiều con. Khi người chồng xuất gia, nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả tài sản cho con trai, không giữ gì cho thân mình. Các con trai và con gái nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng. Nàng buồn cho thái độ của các con, xuất gia trở thành Tỷ Kheo ni.

Nàng suy nghĩ: nàng lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ, các Trưởng lão ni, nàng thức đêm tu học, nàng kiên trì học tập không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp năm các cột trong mái hiên hay chụp năm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khồi va chạm. Hạnh tinh tấn của nàng được mọi người biết và bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên phóng hào quang hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

Ai sống một trăm năm,

Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

Khi Đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A
La Hán, Thế Tôn tán thán nàng là Tỳ Kheo ni tinh tấn đệ
nhất. Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng
phần khởi nói lên những bài kệ:

Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chứa này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỳ Kheo ni. (102)
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về uẩn xứ và giới,
Nghe pháp nàng thuyết giảng,
Cắt tóc ta xuất gia. (103)
Ta học lời nàng dạy,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước (104)
Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo Thiền định,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh (105)
Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại gốc bị cắt,
Tính dục ta không có,
Căn cứ địa kiên trì (1)
Từ nay ta không còn,
Vấn đề phải tái sanh. (106)

(Trích dẫn Trường Lão ni kệ do T.T. Minh Châu dịch từ Pali)

(1) Ta không có tham dục, được sanh từ căn cứ địa vững chắc có thể, có nghĩa là ta không dao động.

NHƯ LAI THIÊN TRUNG HOA



Sư Ni TĂNG QUẢ

Ở Quảng Lăng

Sư tục danh Triệu Pháp Hựu, quê ở Tu Võ. Thuở nhỏ, Sư tánh tình thành tín, chất phác, tự nhiên. Tuy nhỏ mà không ăn quá ngọ. Cha mẹ cho là khác thường. Đến khi thành nhơn, Sư quyết tâm tiến bước trên con đường giải thoát. Thế mà, đến năm 27 tuổi mới được xuất gia.

Sư thờ Sư Ni Huệ Thông ở Quảng Lăng làm thầy. Sư tu hành giới luật rất nghiêm minh, thiền quán thanh bạch. Mỗi khi Sư nhập định đến đôi ba ngày mới xuất. Tâm chuyên trong tịnh cảnh, hình tướng như cây khô, những kẻ thô thiên không thể hiểu thấu được.

Niên hiệu Nguyên Gia thứ 6 (430 dl) Nam Tống Văn Đế có thuyền chủ Nan Đề chở một số Ni từ nước Sư Tử (Tích Lan) đến, tạm trú tại chùa Cảnh Phước, kinh đô nhà Tống, chư Ni ấy hỏi sư:

- Nước này từ trước đến nay có Ni ngoại quốc đến chăng?

Sư đáp:

- Chưa có.

Chư Ni hỏi:

- Các vị Ni xứ này trước đây thọ giới làm sao có đủ hai bộ Đại Tăng ?

Sư đáp:

- Chỉ theo Sư Tăng thọ giới, không có Sư Ni. Bởi do nhận hiểu Phật, Pháp và tín tâm kính trọng là phương tiện được giới. Như bà Đại Aùì Đạo do pháp Bát Kinh mà đắc giới, sau này mới làm Hòa Thượng cho 500 Thích nữ xuất gia thọ giới.

Tuy Sư đáp như thế, nhưng trong lòng vẫn chẳng an, Sư đến hỏi Pháp Sư Tăng Già Bạt Ma (Sanghabhadra) và được giải đáp giống như ý kiến của Sư.

Sư thưa:

- Nếu có đủ hai bộ Đại Tăng, có thọ giới lại được chăng?

Pháp Sư đáp:

- Giới, định, huệ càng sâu càng quý. Thọ lại thêm tốt có hại gì?

Niên hiệu Nguyên gia thứ 10 (434 dl) thuyền chủ Nan Đề lại chở 11 vị Ni từ nước Sư tử, nước Thiết Tát La sang kinh đô Tống. Những vị Ni đến trước đã thông tiếng Trung Hoa nên tổ chức giới đàn tại chùa Nam Lâm, thỉnh Pháp sư Tăng già Bạt Ma làm chủ đàn.

Sư và Ni chúng đồng xin thọ giới, đến trên 300 vị. Niên hiệu Nguyên Gia thứ 18 (442 dl) Sư được 34 tuổi, một hôm tọa thiền quên mất thời gian, trải qua nhiều ngày mà

không xuất định. Duy Na thấy thế cố tình xúc chạm đến thân mà không thấy động, kinh hãi chạy đến báo cho ban chức sự trong chùa hay, cả chúng đồng đến xem, thấy thân Sư ngồi như chết, chỉ còn hơi ấm, họ toan khiêng Sư dời sang nơi khác. Do nghe tiếng ồn ào, Sư liền xuất định, cười nói như thường.

Không biết sau này Sư tịch lúc nào và ở đâu.

(H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni TỊNH XUNG

Ở Trúc Lâm

Sư tục danh Lưu Thăng, quê ở Tiêu Lương. Sau khi xuất gia, Sư giới luật tinh nghiêm, trì kinh không biết mỏi mệt. Chùa nằm trên sườn núi, chung quanh rừng rậm thâm u vắng bật mọi âm ba tạp nhập thế gian. Sư chuyên tâm tu thiền định, gột sạch trần lao.

Dưới núi, có một người mất trâu, tìm kiếm mãi tới tối mà không được. Trông lên sườn núi, dường như lửa cháy sáng rực một vùng, họ tìm đến nơi lại là chùa Trúc Lâm mà không có lửa cháy. Thường ngày, có con cọp theo hầu Sư, tùy đi đâu nó liền theo bên cạnh, khi Sư ngồi thiền thì nó ngồi một bên. Trong chùa nếu có vị Ni nào phạm tội chưa kịp sám hối, nó gầm thét dữ dội, cho đến khi nào sám hối mới thôi.

Hôm nọ, Sư có việc đi xuống núi. Đi đường bỗng gặp một người nữ ở miền Bắc, tên Cửu Văn Khương, quê ở Bắc Bình, hỏi chuyện nhau thân mật như người bạn cũ. Cô vì hâm mộ Phật Pháp, nghe phương Nam Phật pháp mở rộng, nên trốn tìm sang đây cầu xin xuất gia. Sư cảm mến thấu nhận về chùa cho xuất gia.

Cô cố gắng khổ tu như Sư không kém. Hai vị không cần ăn cơm, chỉ ăn mè bắp mà thôi. Tiếng đồn đến kinh đô nước Lỗ, họ tôn xưng là bậc Thánh nhân, sai người đến rước đón hai vị. Hai vị vì không thích ở biên cảnh, nên tính tìm cách cho họ chán ghét. Khi vua Lỗ thiết trai thịnh soạn cúng dường, hai vị ăn uống coi như thích thú, khiến họ bớt lòng kính trọng. Được cơ hội tốt, hai vị xin lui về chùa cũ.

Đến năm 93 tuổi, Sư không bệnh, ngồi kiết già viên tịch.

(H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni PHÁP BIỆN

Chùa Cảnh Phước

Sư quê ở Đơn Dương, xuất gia lúc còn bé, là đệ tử Sư Ni Huệ chùa Cảnh Phước. Sư tánh tình trung cần, nói năng thanh nhã, động tác hợp luật, áo thô cơm hẩm. Danh tiếng Sư đồn đến kinh thành. Thích sử Dương Châu là Lang Nha rất sùng mộ, trọng kính.

Về sau, Sư theo học Thiền quán với Thiền Sư Cương Lương Da Xá (Kalayassa) tu hành đến chỗ tinh mật. Mỗi khi cùng chúng tọa Thiền, Sư nhập định, quên cả động tịnh, mãn giờ, chúng xả đi tứ tán, chỉ riêng Sư ngồi như người chết. Duy Na thấy lạ đi báo tin cho cả chúng hay đến xem.

Đến mấy giờ sau, Sư mới tự động xả thiền. Toàn chúng đều quý kính sự tu hành đặc lực của Sư.

Niên hiệu Đại Ninh thứ 7 (453 dl) nhà Nam Tống. Sư thii tịch, thọ hơn 60 tuổi.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni HUỆ CHỮ

Chùa Tập Thiện

Sư họ Chu, người quê Cao Bình, thuở nhỏ tính tình khí khái, tiết tháo như nam nhi, 7 tuổi đã biết ăn chay, ý chí dũng mãnh. Năm 18 tuổi, Sư xuất gia ở chùa Tam Tăng Kinh Châu.

Sư giới luật tinh nghiêm, trong đạo ngoài đời đều khen ngợi. Khi ấy, tại Giang Lăng có vị Ni ở ẩn, người phương Tây, tu hành nổi tiếng, thấy Sư lấy làm kinh dị, bèn cùng nhau kết bạn tu hành. Hai vị cùng an cư nhập hạ, tập tu Ban Chu Tam Muội, thân, tâm tinh tấn, ngày đêm không nghỉ.

Trầm Du làm Thích sử Phổ Sa ra lệnh cho Tăng, Ni hoàn tục. Sư lánh nạn ở Hạ Đô, đến khi họ Trầm bị dẹp, Sư trở lại miền Tây. Vương tức Nghi trấn thủ tại Kinh Thiêm, nghe Sư có đạo hạnh, cho người thỉnh vào nội cung cúng dường tứ sự.

Khi ấy, có thiền sư Huyền Sướng từ đất Thục đến Hạ Kinh, Sư nghe tên đến cầu học pháp Thiền và nghiên cứu chỗ tinh diệu. Huyền Sướng từng khen ngợi Sư đã tu tập nhiều đời. Sư đã giới pháp thiền lại trai giới nghiêm mật. Tại Dự Chương, Vương Phi và Nội Cung quyền thuộc đều kính tin và thọ pháp Thiền với Sư.

Mỗi khi thí chủ cúng vật thực, Sư nhận xong liền phân chia, không có ý cất giữ. Sư nuôi dưỡng ý chí cao viễn, không bận tâm đến mưu sanh, sản nghiệp.

Họ Vương trở về Kinh đô, thỉnh Sư cùng đi, gia đình họ Vương lập ngôi chùa ở Phước Điền, ở Độ Đông Điền thỉnh Sư trụ trì, ở đây Sư hành đạo với một số Ni chúng.

Niên hiệu Vĩnh Ninh thứ 9 (492 dl) nhà Bắc Tề, bỗng nhiên Sư tự la: "Gấp, gấp, bệnh khổ". Nhan sắc Sư vẫn bình thường, chỉ không chịu ăn, nên thân thể tiêu tụy. Sư một bề đòi trở về chùa cũ. Về đến nơi là bình phục ngay. Song, hơn 10 ngày, Sư lại bị thỉnh trở lại. Về đến chùa Phước Điền, bệnh cũ của sư trở lại như trước. Mọi người không biết lý do gì.

Bỗng nhiên, gia đình họ Vương liên tiếp qua đời. Vua Vũ Đế nhà Tề lấy chùa Phước Điền cho đạo nhơn A Lê người ngoại quốc ở, dời Sư và Ni chúng đến Chùa Tập

Thiện. Từ ngày đến chùa Tập Thiện ít khi Sư bước chân đến Độ Đông Điền. Phật Tử vùng này vì kính trọng Ni chúng, hằng thỉnh cầu Sư trở lại đây để họ cúng dường. Trúc phu nhân muốn lập Thiền trai, cho người đến thỉnh Sư, Sư hứa khả, bảo:

- Rất tốt, bản đạo sẽ đến cùng quý phu nhân từ biệt.

Sư đến nơi, thọ trai xong, đòi bút mực viết:

- Người đời làm không biết,

Bảo ta là bà Chu,

Trai bảy ngày chột tỉnh,

Thiền trai mãi chẳng thôi.

Viết xong, Sư cười nói như thường, để lời từ biệt:

Hôm nay, ra khỏi chùa là vĩnh biệt. Tuổi già không thể trở lại.

Sau khi về chùa hơn một tháng, Sư cho hay có bệnh, qua mấy ngày liền tịch, thọ 69 tuổi. Năm niên hiệu Vĩnh Nguyên năm đầu (499 dl) Tề Đông Đôn Hậu.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni ĐÀM HUY

Ở Chùa Trường Lạc

Sư tục danh Thanh Dương Bạch Ngọc, quê ở Thành đô. Thuở nhỏ, Sư đã mộ đạo tu hành, mà cha mẹ không cho. Niên hiệu Nguyên Gia thứ 9 (433 dl), Thiền Sư Cương Lương Da Xá (Kalayasa) người Thiên Trúc nước Thục hoàng hóa Thiền quán. Khi ấy, Sư được 11 tuổi, xin cha mẹ thỉnh Thiền Sư về nhà để thưa hỏi Pháp thiền. Cha mẹ bằng lòng. Da Xá một phen trông thấy Sư liền khen:

- Người này có phần.

Chỉ dạy tu tập, đồng thời bảo Ni Pháp Dục hằng ngày lui tới dạy bảo. Cha mẹ Sư đã hứa hôn cho người láng giềng rồi.

Một hôm, Sư bỏ nhà trốn đi tu, được Ni Pháp Dục đón về chùa. Sư lập thế rằng: "Nếu đạo tâm con không toại, còn bị sự bức bách, thề tự thiêu thân".

Thích Sử Chân Pháp Sùng nghe được điều này, sai người rước Sư vào Nha môn. Ông cho mời hết Tăng, Ni, người trí thức cùng Nha lại họp mặt đông đủ. Ông đứng ra hỏi Sư:

- Người xét kỹ, có thể xuất gia trọn đời được chăng?

Sư đáp:

- Tôi phát nguyện đã lâu, xin Ngài thương cứu giúp.

Pháp Sùng khen: "Tốt".

Đồng thời, sai người cho bên nhà chồng đã hứa hôn của Sư hay biết và bảo cho Sư được xuất gia. Bên chồng của Sư nghe dạy không dám cưỡng lý. Năm ấy, Sư mới 13 tuổi, xuất gia với Ni Pháp Dục, cho hiệu là Đầm Huy.

Từ đây, Sư tu tập Thiền Quán. Vừa hạ thủ công phu, liền được chánh định, trong chánh định, Sư thấy hai luồng hào quang xuất hiện, một sáng như mặt trời, một trong như mặt trăng. Chính trong định, Sư thầm nghĩ: "hào quang sáng là đạo Bồ Tát, hào quang trong là pháp Thanh văn. Nếu quả như vậy thì cho hào quang trong mất, hào quang sáng còn".

Ngay lúc Sư nghĩ, hào quang trong biến mất, hào quang sáng hiện lên. Khi xả Thiền, Sư đem việc này trình cho Pháp Dục nghe, Pháp Dục rất hoan hỷ, khen lành.

Đến khi Sư được 16 tuổi, bên chồng nghĩ Sư dối gạt, sai người đến uy hiếp, bắt đem về nhà. Bị bắt về nhà chồng, Sư kiên quyết thủ tiết, thà chết không cho xâm phạm. Cuối cùng, bên chồng phải trả Sư về chùa.

Thích Sư Hứa Châu nghe việc này rất khâm phục, đến hỏi Ngài Cương Lương Da Xá, Da Xá đáp:

- Người này thiện căn sâu dày, chớ để trái bản nguyện.

Sau này, ngay trong lúc tọa Thiền, Sư nhận rõ Phật tánh thường trụ nghĩa Đại thừa mà không do Thầy dạy, những bậc danh sư nghe tiếng, đưa nhau đến cực lực vấn nạn, mọi người đều được thỏa mãn. Danh của Sư đồn khắp xa gần, mọi người đương thời đều kính phục.

Năm Sư được 21 tuổi, nhằm niên hiệu Nguyên Gia thứ 19 (443 dl) Vương Lâm Nam mời Sư đến thị trấn Lâm Xuyên. Nam, nữ, đạo tục đưa tiễn có đến 1.000 người. Sau này, mẹ Sư đến thăm và mời về quê hương.

Do đức hạnh cao sâu của Sư nên đề xướng ra việc gì, môn đồ đều hưởng ứng sung mãn. Sư vận động xây dựng cất một ngôi tháp ở phía Bắc Thị Kiều và cất ngôi chùa, mọi việc đều hoàn thành một cách thần tốc. Dân chúng đều tán thán do thần lực gia trì, người thường không thể nào làm được.

Niên hiệu Thiên Giám thứ 3 (505 dl) Sư được 83 tuổi, có chút ít bệnh, ngồi kiết già thị tịch. Quan, dân không cho hay, mà mọi người kéo đến dự lễ rất đông.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni TĂNG THUẬT

Chùa Nhân Cư

Sư họ Hoài, người Bành Thành, cha là Tăng Trần trị ở đất Kiến Khương, khi lên 8 tuổi, Sư đã có chí mộ đạo và ăn chay.

Niên hiệu Nguyên Gia thứ 24 (448 dl), Sư được 19 tuổi, liền theo Ni Sư Tịnh Tú ở chùa Thiền Lâm xuất gia. Sư tu hành tinh tấn, giới luật không khiếm khuyết, xem khắp các kinh, luật, sau chuyên về văn, nghĩa thập tụng. Sư học Thiền quán với hai Thiền Sư Ấn và Thâm được các môn Tam Muội.

Hai Thiền Sư này dòi về Thiền Lâm, trong giới Thiền học rất quý kính, nên đua nhau học tập khá đông. Bởi người lui tới tấp nập, nên chùa Thiền Lâm trở thành ồn náo. Sư muốn tìm chỗ vắng về ẩn cư. Vương mẫu Trương Quý Trần ở Lâm Xuyên biết ý chí của Sư, muốn cúng ngôi nhà đang ở làm chùa, Sư từ chối không nhận.

Niên hiệu Nguyên Huy thứ 2 (474 dl) mẹ Nhữ Nam Vương là Ngô Sung Hoa đứng ra xây cất ngôi chùa, gồm cả phòng, nhà hơn 50 gian, thỉnh Sư trụ trì. Sư cùng bạn đồng hành, 20 vị đến đây tu hành, lấy Thiền tịch làm thú vui, nên đặt tên chùa là Nhân Cư.

Cuối thời Nam Bắc Triều, thế đạo nhiễu nhương, song Sư một bề tu hành thanh tịnh, Thiền định miên mật, phong trần chẳng động. Nhà Tề, vua Văn Đế Văn Tuyên và Đại Tướng Lễ Ngộ tạo một ngôi chùa, mỗi mỗi đều trang nghiêm, đẹp đẽ, thỉnh Sư trụ trì và tứ sự cúng dường viên mãn.

Đến nhà Lương, thiên hạ thái bình, dân chúng mộ đạo, tăng, tục bốn phương đua nhau dâng cúng. Song Sư vẫn không chắt chứa của cải riêng, tùy có liền chia, hoặc chẩn tế cho tứ chúng, hoặc làm phước phóng sanh. Đời Sư tạo được 5 pho tượng Phật, chép kinh, Luật hơn 1.000 cuốn.

Niên hiệu Thiên Giám thứ 14 (515 dl) nhà Lương, Sư ngồi kiết già thị tịch, thọ 84 tuổi.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)

TỔ SƯ THIỀN TRUNG HOA



Sư Ni TÔNG TRÌ

Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) ở Trung Quốc gần 9 năm, thấy cơ duyên đã đến, gọi đồ chúng đến hỏi:

- Sắp đến giờ Ta trở về, các ngươi mỗi người nên nói rõ chỗ sở đắc của mình.

Thiền Sư Đạo Phó ra thưa:

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng liả văn tự. Đây là dụng của đạo.

Tổ bảo:

- Ngươi được phần da của Ta.

Sư Ni Tông Trì ra thưa:

- Nay chỗ hiểu của con, như Tổ A Nan thấy nước Phật A Súc, chỉ thấy một lần không còn thấy lại.

Tổ bảo:

- Ngươi được phần thịt của Ta.

Thiền Sư Đạo Dục ra thưa:

- Bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng có, chỗ thấy của con, không một pháp có thể được.

Tổ bảo:

- Ngươi được phần xương của Ta.

Đến Thiền Sư Huệ Khả bước ra, đánh lễ Tổ, rồi lui ra, đứng yên lặng, Tổ bảo:

- Ngươi được phần tủy của Ta.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni LIỄU NHIÊN

Ở Mạt Sơn

Sư là đệ tử của Thiền Sư Đại Ngu, sau khi ngộ đạo đến trụ tại Mạt Sơn. Thiền Sư Quán Khê Nhân (đã ngộ đạo nơi Tổ Lâm Tế) đi du phương đến núi này, tự nói:

- Nếu tương đương thì ở, chẳng vậy thì xô ngã giường Thiền.

Nhân vừa vào Tăng đường, Sư sai thị giả đến hỏi:

- Thượng Tọa du phương đến hay vì Phật Pháp đến?

Nhân đáp:

- Vì Phật Pháp đến.

Sư liền lên tòa. Nhân đến tham vấn. Sư hỏi:

- Hôm nay, Thượng Tọa rời nơi nào đến?

Nhân đáp:

- Cửa đường (lộ khẩu).

Sư bảo:

- Sao không đập lại.

Nhân không đáp được, liền lễ bái hỏi:

- Thế nào là Mạt Sơn?

Sư đáp:

- Chẳng bày danh. Nhân hỏi:

- Thế nào là chủ Mạt Sơn?

Sư đáp:

- Chẳng phải tướng nam, nữ.

Nhân nạt rằng:

- Sao chẳng biển đi.

Sư đáp:

- Chẳng phải thân, chẳng phải quý, biển cái gì?

Nhân mới kính phục, ở lại làm Trì viên 3 năm.

Có vị Tăng đến tham vấn,

Sư bảo:

- Rất lam lũ vậy.

Tăng đáp:

- Tuy nhiên, như thế vẫn là sư tử con.

Sư bảo:

- Đã là sư tử con, vì sao bị Văn Thù cười?

Tăng không đáp được, Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm cổ Phật?

Sư đáp:

- Thế giới nghiêng đổ.

Tăng hỏi:

- Thế giới vì sao nghiêng đổ?

Sư đáp:

- Trọn không thân ta.

Sư có làm bài kệ Pháp thân:

Ngũ uẩn Sơn đầu cổ Phật đường,

Tỳ lô trú dạ phóng hào quang,

Nhược năng ư thử phi đồng di,

Tức thị Hoa nghiêm biến thập phương.

Dịch:

Trên chót năm uẩn nhà Phật xưa,
 Pháp thân hằng lúc phóng hào quang,
 Nếu hay trong đó không đồng dị,
 Quả thật Hoa Nghiêm khắp thập phương
 Thiền Sư Quán Khê Nhân sau khi ở làm Tri Viên 3 năm,
 về trụ Quán Khê, thượng đường:

- Tôi ở Lâm Tế được nửa muống, ở Mật Sơn được nửa
 muống. Cộng thành một muống. Aên xong đến nay vẫn
 no chẳng hề đói.

(Theo Tài liệu Hạnh Huệ)



Sư Ni THIẾT MA

Sư là đệ tử Quy Sơn Linh Hựu, có cất một am tranh cạnh
 sườn núi Quy. Một hôm, Sư đến yết kiến Quy Sơn, Quy
 Sơn hỏi:

- Con trâu cái già, người mới đến?

Sư thưa:

- Ngày mai ở Đài Sơn có lễ Trai Tăng, Hòa Thượng đi
 được chăng?

Quy Sơn ra bộ nằm ngủ. Sư trở bước lui ra.

Một hôm, Hòa thượng Từ Hồ (đệ tử Nam Tuyền) đến
 phỏng vấn Sư, Từ Hồ hỏi:

- Có phải Lưu Thiết Ma chăng?

Sư thưa:

- Chả dám!

Từ Hồ hỏi:

- Xoay bên trái hay bên phải?

Sư thưa:

- Hòa Thượng chớ điên đảo.

Từ Hồ liền đánh:

Bởi chỗ đối đáp lanh lẹ của Sư khiến mọi người đều kính
 nể nên gọi là Lưu Thiết Ma (chữ Thiết Ma nghĩa là mài
 sắt).

Tăng hỏi Phong Huyệt:

- Quy Sơn nói: Con trâu cái già, người mới đến là ý chỉ
 gì?

Phong Huyệt đáp:

- Chỗ mây trắng dày, rồng vàng múa.

Tăng hỏi:

- Lưu Thiết Ma nói: ngày mai ở Đài Sơn có đại hội Trai,
 Hòa Thượng có đi dự chăng, là ý chỉ thế nào?

Phong Huyệt đáp:

- Trong lòng sóng biếc, mặt trăng động.

Tăng hỏi:

- Quy Sơn làm thế nằm, ý chỉ thế nào?

Phong Huyệt đáp:

- Già đến thân gãy ngày vô sự,
 Nằm cao rảnh ngủ ngọn núi xanh.

(Tác 24 - Bích Nham Lục)

(Do H.T Thanh Từ soạn dịch)

Phong huyệt cũng có bài tụng

Cao cao phong đánh lập,

Ma ngoại mặc năng tri,

Thâm thâm hải đề dành,

Phật nhãn khuy bất kiến.

Dịch:

Trên đánh cao phong đứng,

Ma ngoại nào hiểu chi,

Dưới đáy biển sâu đi,

Mắt Phật xem chẳng thấy.

(Thầy VC)

Phụ chú:

Tuyệt Đâu tụng:

Âm:

Tăng kịp thiết mã nhập trùng thành,

Sắc hạ truyền văn lục quốc thanh,

Du bả kim tiên vấn quy khách,

Dụ thâm thù cộng ngữ nhai hành.

Dịch:

Tùng cỡi ngựa sắt vào trùng thành,

Sắc lệnh truyền ra sáu nước Thanh,

Vấn nắm roi vàng hỏi quy khách,

Đêm khuya ai với bạn đồng hành.

(Thầy VC)



Sư Ni HUYỀN CƠ

Sư trụ chùa Tịnh Cư, Ôn Châu, xuất gia khoảng niên
 hiệu Cảnh Vân (710-712 dl) nhà Đường. Sư thường tập
 Thiền định trong thạch thất ở núi Đại Nhật. Một hôm, Sư
 tự nghĩ: "Pháp tánh trạm nhiên vốn không đến đi, chán
 chỗ ồn, cầu chỗ vắng, đâu phải là người đạt đạo".

Sư liền tham vấn Thiền Sư Nghĩa Tồn ở Tuyết Phong.
Khi đến, Tuyết Phong hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ núi Đại Nhật đến.

Tuyết Phong hỏi:

- Nhật xuất hay chưa?

Sư thưa:

- Nếu xuất thì Tuyết Phong tan mất.

Tuyết Phong hỏi:

- Người tên gì?

Sư thưa:

- Huyền Cơ.

Tuyết Phong hỏi:

- Một ngày dệt được bao nhiêu?

Sư thưa:

- Tấc tơ chẳng dính.

Rồi lễ bái thối lui. Sư vừa đi được năm, ba bước. Tuyết Phong gọi:

- Góc cà sa chắm đất.

Sư xoay đầu lại.

Tuyết Phong bảo:

- Rất tốt, tấc tơ chẳng dính.

(TSVN do H.T thanh Từ soạn dịch)

Sư Ni Huyền Cơ ở chùa Tịnh Từ, thường Thiền định trong hang đá ở núi Đại Nhật, Bình Dương. Cùng anh là Huyền Sách đồng tham Lục Tổ. Nhân đó, có làm Viên Minh Ca, gần như Chứng Đạo Ca.

Khi tịch chống ngược thân, Pháp Thuộc quờ là diên đảo, bèn ngã xuống. Chiều đem chôn, bị sấm dời đi. Qua hai ngày, có người từ núi Đại Nhật đến nói:

- Chiều nay, trên không trung có tiếng tiêu, tiếng khánh là quan tài của Huyền Cơ đã đặt trên đỉnh núi.

Đệ tử rước xá lợi về chùa dựng tháp hiệu Viên Minh.

(S.C Hạnh Huệ soạn dịch)



Sư Ni TRÍ THÔNG

Hiệu Không Thất Đạo Nhơn

Sư là con gái của Long Đồ Phạm Công Tuân. Thờ nhỏ, Sư rất thông minh, đến tuổi trưởng thành, Thân phụ gả cho Hiền tôn của Thừa Tướng Tô Tụng. Chẳng bao lâu, Sư chán cảnh phồn hoa, trở về nhà xin phép cha mẹ được

xuất gia. Cha mẹ không chấp thuận, Sư đành ở nhà tu tại gia.

Nhơn xem quyển "Pháp Giới Quan", Sư có tinh ngộ, làm hai bài kệ, nói lên kiến giải của mình:

1. Mạo mạo trần trung thể nhất như,

Tung hoành giao hổ ấn Tỳ Lư,

Toàn ba thị thủy, ba phi thủy, Toàn thủy thành ba, thủy tự thù.

2. Vật ngã nguyên vô di,

Sum la cảnh tượng đồng

Minh minh siêu chủ bạn,

Liễu liễu triệt Chơn không,

Nhất thể hàm đa pháp,

Giao tham để võng trung,

Trùng trùng vô tận xứ,

Động tĩnh tác viên thông.

Dịch:

1. Bát ngát bụi hồng thể nhất như,

Dọc ngang xen lẫn ấn Tỳ Lư,

Sóng cùng là nước, sóng chẳng nước,

Nước tốt sóng thành, nước khác xa.

2. Vật ngã vốn không khác,

Sum la cảnh tượng đồng,

Lầu lầu siêu chủ bạn,

Vằng vặc suốt Chơn Không,

Một thể gồm nhiều pháp,

Xen lẫn lưới để châu,

Lớp lớp không ngăn mé,

Động tĩnh thủy viên thông. Về sau, song thân đều tạ thế, Sư theo anh làm Thái úy ở Phần Ninh. Nghe danh Thiền Sư Từ Tâm, Sư đến yết kiến. Từ Tâm biết Sư có sở đắc, nên hỏi:

- Bồ Tát Thường Đề bán tim gan, dạy ai học Bát Nhã?

Sư đáp:

- Nếu ngài vô tâm thì con cũng thôi.

- Một đám mưa mà cây cỏ thấm nhuần có khác. Trên đất không có âm dương sanh vật gì?

- Một hoa năm cánh.

- Trong 12 giờ, nhằm chỗ nào an thân lập mệnh?

- Hòa Thượng tiếc lấy lông mày.

- Từ Tâm đánh và quát:

- Cô đàn bà này làm rối trật tự.

Sư lễ bái. Từ Tâm ấn khải.

Sư làm bài kệ tán thán Từ Tâm:

- Thiều Dương Từ Tâm,

Linh Nguyên thâm thâm

Nhĩ trung kiến sắc,

Nhãn lý văn thính,

Phàm minh thánh muội

Hậu phú tiền bản,

Lợi sanh tế vật,

Điểm thiếc thành kim,

Đan thanh đồ trắng,

Phi cổ, phi kim.

Dịch:

Từ Tâm Thiều Dương,

Linh Nguyên rất sâu,

Trong tai thấy sắc,

Nơi mắt nghe thanh,

Phàm sáng thánh tối,

Trước nghèo sau giàu

Lợi sanh cứu vật,

Chỉ sắt thành vàng,

Đỏ xanh vẽ tướng,

Chẳng xưa, chẳng nay.

Từ Tâm hỏi:

- Từ Tâm không thật, nhằm chỗ nào tán thán. Nếu tán thán Từ Tâm, Từ Tâm không tướng mạo. Nếu tán thán hư không, hư không chẳng dấu vết. Thử hỏi thế nào? Nếu nói được, chính thấy Từ Tâm?

Sư đáp:

- Từ Tâm không thật, thật không phải Từ Tâm. Hư không có tướng mạo, diệu hữu không hình dáng. Sau khi chết, tỉnh dậy thấy Từ Tâm. Từ Tâm cười rồi thôi. Thiền Sư Linh Nguyên lấy hiệu: Không Thất Đạo Nhơn tặng Sư. Từ đây, trong Tông Lâm, mọi người đều biết danh.

Sư cất ngôi nhà tắm thí ở Bảo Ninh, trước cửa có treo tấm bảng đề:

- Một vật cũng không, còn tắm cái gì? Mây trần nếu có, khởi lên từ đâu? Nói lấy một câu siêu thoát, mới có thể vào tắm trong nhà này. Chỉ hiểu được Cổ Linh, khi kỳ lưng. Bậc khai sỹ đầu từng mình tâm. Muốn chứng lý cầu địa toàn thân phải toát mồ hôi. Như nói: "Nước hay

rửa nhơ, đâu biết nước cũng là bụi". Liền đó, nước và nhơ đều dẹp. Đến đây cũng là rửa nốt.

Sau này, Sư làm Ni tên là Duy Cửu, trụ tại chùa Tây Trúc ở Cô Tô.

Đến niên hiệu Tuyên Hòa thứ 6 (1124 dl) Sư thị tịch. Sắp thị tịch, Sư viết kệ xong, ngồi kiết già mà hóa. Sư có tác phẩm "Minh Tâm Lục" hiện còn lưu hành.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni TỐ THỊ

Hiệu Giác Am

Sư là cháu gái của Du Tổ Viện ở Kiến Minh. Thuở nhỏ không thích thế gian, lưu tâm Tổ, đạo. Nơi hội Thiền Sư Viên Ngộ nghe dạy chúng, Sư liễu ngộ, Viên Ngộ bảo:

- Cần phải dẹp hết các sở kiến mới được tự do.

Sư đáp kệ:

- Lộ trụ trừu hoành cốt,

Hư không lộ trao nha,

Trục nhiêu huyền hội đắc,

Du thị nhãn trung sa.

(Đệ tử Viên Ngộ)

Dịch:

- Cột cái xương ngang rút,

Hư không vượt nhanh bày,

Thẳng dây huyền hội được,

Trong mắt dính cát đây.



Sư Ni DIỆU TỔNG

Hiệu Vô Trược

Diệu Tổng là cháu gái Thừa Tướng Tô Tụng. Năm 15 tuổi, cô chợt nghĩ:

- "Thân ta sanh từ đâu ra? Chết sẽ về đâu?". Lặng đi một lúc, bỗng nhiên có chỗ được. Lớn lên, cô được gả cho nhà họ Hứa ở Tỳ Lăng. Vì chán cuộc đời phù vinh, cô để tâm vào Thiền định, tham vấn khắp các bậc danh túc, được đầy đủ chánh, tín.

Có lần, Diệu Tổng đến yết kiến Thiền Sư Tiến Nham Viên, bị Ngài hỏi:

- Đàn bà, con gái lại muốn dự vào việc đại trượng phu sao?

Diệu Tổng đáp:

- Phật, pháp lại có tướng nam, nữ sao?

Ngài gắng hỏi tiếp:

- Thế nào là Phật? Có người đáp rằng: "Tức tâm là Phật". Còn người thì sao?

- Lâu nay nghe tiếng Lão Sư, sao vẫn còn nói năng như thế?

- Đức Sơn gặp ai vào cửa liền đánh là sao?

- Nếu thầy hành lệnh này mà chẳng rỗng thì đáng được Thiên, Nhân cúng dường.

Ngài bảo:

- Chưa đúng:

Diệu Tống lấy tay vỗ vào đài hương một cái, Thiền Sư Viên nói:

- Có đài hương thì vỗ được, không đài hương thì sao?

Diệu Tống liền đi ra, Thiền Sư Viên gọi lại, hỏi tiếp:

- Người thấy đạo lý gì mà làm thế?

Diệu Tống quay đầu lại đáp:

- Liễu liễu kiến vô nhất vật.

(rõ ràng thấy không một vật). Câu này là của Vĩnh Gia, mượn ông ta để xuất khí không được sao? Thiền Sư Viên kết luận:

- Thật là sư tử con.

Thiền Sư Chân Hiết vừa dựng am ở Nghị Hưng xong, đang ngồi trên võng, thì Diệu Tống bước vào cửa:

Chân Hiết hỏi:

- Làm phàm hay là thánh?

Diệu Tống hỏi ngược lại:

- Mắt ở trên đánh đầu rồi?

Thiền Sư Hiết hỏi tiếp:

- Việc ngay mặt trình nhau thế nào?

Diệu Tống đưa tọa cụ lên.

Châu Hiết la:

- Không hỏi cái này.

Diệu Tống nói:

- Làm rồi.

Châu Hiết liền hét.

Chồng cô là Hứa Thọ Nguyên làm quan ở Gia Hưng, khi Ngài Đại Huệ Tông Cáo (tức Diệu Hỷ) đến thăm quận nhà. Thọ Nguyên thiết Trai đón tiếp. Diệu Tống bước ra lễ bái, không nói một lời.

Tông Cáo sau khi dự tiệc về, bảo với Phùng Tiếp (tức quan Thiếu Khanh Bằng Tế Xuyên) người cùng đi trong đoàn rằng:

- Vợ họ Hứa chưa từng thấy thân, thấy quý, nhưng chưa gặp được bản sắc kiên chùy, cũng giống như chiếc

thuyền muôn học, thả vào chỗ sông ngòi lấp bít, không chuyển động được.

Phùng Tiếp thưa:

- Làm sao nói để dàng thế?

- Nếu bà ta chịu hỏi đầu thì nhất định phải khác.

Ngày hôm sau, mọi người thỉnh Tông Cáo thuyết pháp, Diệu Tống cũng đến dự nghe. Tông Cáo mặt sát dị kiến, tà giải của các nơi. Người nghe giạt mình nhìn nhau, chỉ một mình Diệu Tống hoan hỷ nhìn không chớp mắt.

Tông Cáo lại nhìn chúng và nói:

- Nay ở đây có ai có chỗ thấy chăng? Sơn Tăng khám nghiệm người như viên chức gác cửa khải, vừa thấy đến là biết có vật nộp thuế hay không?

Nói xong, Tông Cáo xuống tòa. Diệu Tống đến xin đạo hiệu. Tông Cáo đặt tên là Vô Trước, và dạy kệ rằng:

- Tận đạo Sơn Tăng ái mạ nhơn,

Vị tăng mạ trước nhất cá hán,

Chi hữu Vô Trước mạ bất động,

Khấp tợ Tàn thời độ lịch toãn.

Dịch:

- Trọn bảo Sơn Tăng thích mắng người,

Chưa từng mắng nhằm lấy một kê,

Chỉ có Vô Trước mắng chẳng động,

Giống hột dùi xe lăn đời Tàn.

(H.Nguyên) Đã bị mắng mà chẳng động, vì sao lại giống dùi xe lăn, người đủ mắt hãy biện.

Năm sau, Diệu Tống theo chúng nhập hạ ở Kính Sơn (Cánh sơn). Một hôm, Tông Cáo thượng đường, cử nhân duyên: "Dược sơn tham vấn Thạch Đầu, Mã Tô" Diệu Tống hốt nhiên đồn triệt. Lúc Tông Cáo xuống tòa, Phùng Tiếp theo đến phương trượng trình sở ngộ. Về sau, được nghe Tông Cáo kể lại chuyện này, Diệu Tống nói:

- Diệu Tống từng thấy Quách Tượng chú giải sách của Trang Tử.

Nhưng bậc thức giả cho Trang Tử chú giải Quách Tượng.

Tông Cáo nghe xong lấy làm lạ, bèn cử thoại đầu: "Người đàn bà và nhâm đầu" để hỏi.

Diệu Tống dùng kệ đáp:

- Nhất điệp thiên chư biến diệu mang,

Trình nhiều vũ trạo biệt cung thương,

Vân sơn thủy nguyệt, câu phao khước,

Doanh đặc Trang Chu điệp mộng trường.

Dịch: - Một chiếc thuyền con thả bẻ khơi,

Đưa chèo múa nhịp khúc nhạc trời. Núi mây, trăng nước
đều quãng hết,

Hồ điệp Trang Chu giấc mộng dài.

Tông Cáo muốn kích phát Sư đến hồ cao xa, nên làm
thỉnh không để ý đến. Một hôm, khi đang tọa Thiền, Sư
chợt đại ngộ. Thấy được chỗ tùy duyên chỉ dạy của Tông
Cáo, bắt giặc, vỗ tay nói lớn: "Lão giặc, Lão giặc" và
trình tụng:

- Mạch nhiên xúc trước tỷ không,

Kỹ lưỡng băng tiêu ngõa giải

Đạt Ma hà tất Tây lai ?

Nhị tổ uổng thi tam bá,

Cách vấn như hà? nhược hà ?

Nhất đội thảo tặc đại bại.

Dịch:

Bỗng nhiên chạm đến lỗ mũi,

Xem rõ băng tiêu ngõa giải,

Đạt Ma, Tây đến làm gì?

Nhị tổ uổng công ba lạy

Còn hỏi tại sao? Thế nào?

Một bọn giặc cỏ đại bại.

(Thầy VC)

Tông Cáo dùng kệ ẩn chứng:

- Nhữ kỳ ngộ hoạt Tô sư ý,

Nhứt đạo lưỡng đoạn trực hạ liễu

Lâm cơ nhất nhất nhậm thiên chơn

Thế xuất thế gian vô thặng thiếu,

Ngã tác thử kệ, vị chứng minh,

Tứ thánh lục phạm tận kinh nhiều,

Hựu kinh nhiều,

Bích nhãn Hồ nhi du vị hiểu.

Dịch:

- Người đã ngộ ý Tô sư sống,

Một đạo chặt đứt làm hai đoạn

Gặp việc mỗi mỗi tự nhiên chơn,

Thế xuất, thế gian, không dư thiếu

Ta làm bài kệ vì chứng minh,

Tứ thánh, lục phạm đều kinh hãi,

Thôi kinh hãi,

Con cháu Đạt Ma vẫn chưa hiểu.

(Thầy VC)

Một hôm, nhân Diệu Tông vào thất,

Tông Cáo hỏi:

- Người xưa chẳng ra khỏi phương trượng, vì sao lại lên
Trang sở ăn bánh chiên?

- Hòa Thượng tha lỗi cho Diệu Tông, Diệu Tông mới
dám nói.

- Ta tha lỗi cho người đó, người thử nói xem.

- Diệu Tông cũng tha lỗi cho Hòa Thượng.

- Đâu làm gì được cái bánh chiên. Diệu Tông hét mà ra.

Từ đó danh vang khắp nơi.

Một hôm Diệu Tông vào thất Tông Cáo, bị hỏi:

- Vừa rồi, có vị Tăng đến đối đáp, người hãy nói vì sao
lão Tăng không chịu ông ta.

Diệu Tông đáp:

- Đâu gạt được Diệu Tông.

Tông Cáo đưa trúc bè lên hỏi:

- Người gọi cái này là cái gì?

- Trời xanh, trời xanh!

Tông Cáo liền đánh.

Diệu Tông nói:

- Hòa Thượng đánh lầm người rồi.

- Đánh cho được rồi thôi, xá gì lầm với chẳng lầm.

- Chuyện làm lưu thông.

Khi Diệu Tông đến chào từ già về quê. Tông Cáo bảo:

- Người xuống núi, có ai hỏi đạo pháp ở đây, người đáp
thế nào?

Diệu Tông thưa:

- Chưa đến Kính Sơn chẳng ngại nghi nhảm.

Tông Cáo hỏi vặn lại:

- Đến rồi thì sao?

- Y như cũ, trời mạnh Xuân vẫn còn lạnh.

- Đáp như thế, há chẳng phải coi thường Kính Sơn.

Diệu Tông bịt tai đi ra.

Lúc đó, Đạo Nhan thủ chúng (tức ngài Vạn An) cùng với
1700 nạp tử dùng kệ tiễn đưa Diệu Tông trở về Vô Tích.

Ngài thêm tên Sư vào những người đắc đạo trong pháp
môn. Phùng Tiếp lúc đó vẫn chưa tin, nên chèo thuyền
qua Vô Tích hỏi:

- Chuyện bà già sanh 7 đứa con, cả 6 đứa đều không gặp
tri âm, chỉ riêng 1 đứa này cũng chẳng tiêu được, rồi ném

đưa bé ấy xuống nước. Lão nonh Kính Sơn nói, đạo nhân đã lý hội được, là lý hội thể nào?

Sư đáp:

- Những lời cung xưng ở trên đều là có thực.

Phùng Tiếp kinh hãi.

Việc Diệu Tông nhận tâm ấn của Đại Huệ danh vang khắp nơi. Vào năm Nhâm Ngọ (114?) niên hiệu Thiên Hưng, vì có Tăng điệt của Lễ Bộ ban cho Sư hiệu là Vô Trước, nên Diệu Tông nói kệ nhận lời, rồi cắt tóc đi tu.

Niên hiệu Long Hưng Cải Nguyên đời vua Tống Hiếu Tông (1163 dl) Xá Nhân Trương An Quốc Thủ Ngộ Môn gặp lúc Chùa Tư Thọ vắng vẻ, mới thỉnh Diệu Tông đến trụ trì. Sư nhận lời, rồi xiển dương tông phong của Đại Huệ. Tuy đạo đức cao trọng, Sư vẫn trì luật rất nghiêm, khổ hạnh tiết chế.

Ngày 14 tháng 7, niên hiệu Càn Đạo năm thứ 6 (1170 dl) Sư nhóm chúng, nói kệ xong, lặng lẽ thị tịch. Chúng chôn toàn thân Sư ở phía Đông, núi Quân Tướng vô Tích. Sau đời về Hồ Khuru Bình Giang.

(Tài liệu S.C Hạnh Huệ soạn dịch)



Sư Ni HUỆ CHIẾU

Hiệu Vô Tế Đạo Nonh

Sư là con gái Thị Lang Trương Uyên Đạo nhà Tống. Khi còn làm Cư sỹ, Sư đã cùng Siêu Tông đạo nonh vào cửa Thiền Sư Đại Huệ và được thọ ký riêng.

Sư thường đến Cảnh sơn (Kính Sơn) quét tháp, có làm bài kệ:

- Y thấp Linh sơn lộ,

Lô phần Thiểu Thất hương,

Vân Sơn không mãn mục,

Bất kiến pháp trung ương.

Dịch:

- Àu ướt lộ Linh sơn,

Lò thiêu hương Thiểu Thất Đầy mắt mây núi không,

Vua chánh pháp nào thấy.

Siêu Tông không chịu đi quét tháp, Sư đốc xúi. Siêu Tông nói kệ đáp:

- Tháp bốn vô trần,

Hà dựng khừ tảo,

Tảo tức thành trần,

Sở dĩ bất đáo.

Dịch:

- Tháp vốn không bụi,

Đi quét làm gì?

Quét tức đầy bụi,

Không đến do đây.

Sau Sư xuất gia, pháp danh Huệ Chiếu, Sư tiếp nối pháp tịch của Bốn sư là Vô Trước ở Chùa Tư Thọ (tức Ni Diệu Tông).

Sư phỏng theo khúc hát ông chài, làm kệ tán thán Thiền Sư Viên Ngộ:

- Thất tọa đạo tràng, tam phụng chiếu, không hoa thùy nguyệt hà thời liễu, Tiểu ngọc tinh trung hằng ngộ đạo, chơn kham tiêu,

Từng lai mạn đắc nhi tôn hảo,

Biện dững hải triều tinh hạo hạo, Minh như hạo nguyệt đương không chiếu.

Phi tích tây quy vân yếu điều,

Ba viên khiếu,

Đại gia xướng khúc hoàn gia điệu.

Dịch:

- Bảy phen giảng đạo, ba vàng chiếu,

Trắng nước hoa không nào đủ thiếu,

Trong câu Tiểu nhĩ từng ngộ đạo,

Buồn cười thiệt,

Từ đây lừa hết đàn con cháu,

Biện luận thao thao tiếng sóng biển,

Tỏ như trăng sáng trong không chiếu,

Chống gậy về Tây mây quán quýt,

Con vượn réo,

Cả nhà đồng xướng hoàn gia khúc.

Niên hiệu Càn Đạo, Thứ 7 (1172 dl) triều Tống Hiến Tông, Sư dời trụ ở chùa Minh Nonh tại Lâm Bình.

Đến niên Hiệu Thuần Huy thứ 4 (1178 dl) tháng 6, đang ở trong chúng, bất chợt Sư gọi Lương Thiện Phán đến từ biệt, rồi đi thẳng sang chùa Quang Hiếu, ngồi trên giường Thiền thị tịch.

Chúng đệ thi hài Sư mấy ngày, gương mặt vẫn tươi tắn như thường.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni CHƠN NHƯ'

Sư người quê Quan Tây, do có sắc đẹp và tài năng được tuyển vào cung làm Nội phủ nương, thuộc cung của Kiều Quý Phi. Họ Kiều sùng mộ Phật Pháp, nên cho Sư theo sở nguyện được xuất gia đầu Phật.

Sau khi xuất gia, Sư đi tham vấn bốn phương, vào xứ Môn gặp Thiền Sư Đại Huệ, tại những pháp hội Nam Tuyên, Tiểu Khê, Vân Môn.

Một hôm, Sư bỗng nhiên tỉnh giấc, làm kệ:

Bình địa ngẫu nhiên trước hiệt,
Khởi lai đô vô khả thuyết,
Nhược nương cánh vấn như hà,
Tiểu chỉ thanh phong minh nguyệt.

Dịch:

Bình địa bỗng nhiên nắm được,
Đứng lên thật là khó nói,
Có người đến hỏi thế nào?
Cười chỉ trăng trong gió mát.
Một buổi tiểu tham,
Đại Huệ đối chúng nói kệ:
Minh nhật như Sư cô,
Tích thời sư phụ Vương,
Thân cư la ý tùng,
Chỉ trước thô ma bổ,
Khai khẩu tiện cao đàm,
Hiềm Phật bất khả tổ,
Đào xuất thị phi khanh,
Tuyệt đoạn sanh tử lộ,
Nhập hỏ nguyệt ma cung
Tâm trung vô pha bổ,
Đề soạn Bát dương Kinh,
Tự hữu tam thiên bộ,
Aùi ngâm lạc vận thi,
Thiên bất cầu tư số,
Hành khước tiểu thiên hạ,
Tham thiền vô sở ngộ,
Cận nhất đảo Vân Môn
Nhất thời đô bại lộ,
Thế nhân đối tuy đầu,
Hoàn tái đồng hoa hỏ,

Như thử tác Sư cô!

Khuyến quân thiếu khuyết tổ,
Cánh hữu nhất xứ quai,
Thả đạo nhất xứ,
Gia Châu đại tượng khiết chính phu,
Thiểm phụ thiết ngu sanh phá đồ.
Dịch:
Ngày nay là Sư cô,
Thuở xưa sư phụ Vua,
Thân ở chốn lựa là,
Chi mặc toàn vải xấu,
Mở miệng liền nói cao
Đến Phật còn chẳng thích,
Vượt khỏi hàm thị phi,
Cắt đứt đường sanh tử,
Vào hang cộp cung ma,
Trong tâm vẫn chẳng sợ,
Đề soạn Bát dương kinh,
Tự có ba ngàn bộ
Thi, lạc, vận thích ngâm,
Riêng chẳng cần chữ số,
Đi hành khước khắp nơi
Tham thiền mà chẳng ngộ.
Gần đây đến Vân môn,
Một lúc đều bại lộ,
Chót tay cỏi nhận lầm,
Lại cho là quá bí,
Như thế làm Sư cô,
Khuyến người chớ ăn đấm,
Lại có một chỗ sai,
Hãy nói đâu một chỗ,
Voi lớn Gia Châu ăn lúa hầm,
Trâu sắt điểm phu bụng no nóc.
Qua bài kệ này, có thể thấy đại khái về Sư cô.
(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)

✍

Sư Ni DIỆU ĐẠO

Sư là con gái Thượng Thư Huỳnh Công Thường ở Diên Bình. Sau khi xuất gia, Sư đi tham vấn khắp các vị tôn túc. Sư đến Cảnh Sơn tham vấn Thiền Sư Đại Huệ (Diệu Hỷ). Nhơn Đại Huệ ở trong thất, hỏi một vị Tăng:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?

Vị Tăng mờ mịt không hiểu, Sư đứng ngoài cửa nghe hỏi, bỗng nhiên khế ngộ, đến trình với Đại Huệ.

Đại Huệ bảo:

- Cây Dâu trúng tên, cây Ró xuất mồ hôi.

Rồi ấn chúng cho Sư.

Ngày khai đường ở chùa Hồng Phước, Sư nói:

- Thiền không phải ý tưởng, lập ý là trái ý thiền. Đạo bất dứt công huân, dựng lập công huân là mất đạo. Tiếng ở ngoài câu không nhằm trong ý mà câu. Giữ cơ quan chiếu dụng, nắm kiềng chùy của Phật, Tổ. Chỗ có Phật lẫn làm chủ, khách. Chỗ không Phật gió thổi vào vào. Tâm an, ý rảnh, vang thuận, tiếng hòa. Người đường ấy nói để chỗ nào?

Dùng giây lâu, Sư hỏi:

- Khoác áo tôi đứng ngoài Thiên phong,

Dẫn nước tưới rau, trước ngũ lão.

Sư lại nói:

- Chớp mắt lông mày lệch lạc, dường như mở mắt, đái dầm. Hiện thành công án buông đi, chính là kẻ thông minh vỡ mắt. Thế ấy, chẳng thế ấy, thấy chẳng được. Rùa Linh lê đuôi. Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, đồng đỉnh hư không. Làm được những thứ công hư cửa rộng, vẫn là trong nước đọng, chứa Ròng. Một câu nghiêng hồ, ngã núi làm sao nói?

Một tay thần linh vừa đắm xuống,

Hoa sen tan vỡ mảnh muôn ngàn.

Khi khác, thượng đường, Sư nói:

- Các câu hỏi hãy dừng, dù có biện tài nghiêng hồ, ngã núi, trong cửa nhà, một điểm dùng cũng chẳng được. Và lại, khi chưa ra đời, một chữ cũng hoàn toàn không. Khi Tổ từ Tây sang, liền có dựng lập khá nhiều. Tông, phái tranh nhau, chia sau phân mạch, cho đến ngày nay lụy đến cháu, con.

- Khiến cho Sơn Tăng ở trước chúng nhơn thiên, không gió mà dậy sóng, nhắm đến cửa thứ hai để thông tin tức. Nơi nói, nín, gồm không hết, đầy khắp mười phương, chỗ ngôn ngữ diễn bày chẳng đến, trùm khắp sa giới. Khấp thân là mắt, gặp mặt bày cơ, điện xẹt, sao băng, làm sao xét nghĩ? Có khi một tiếng hét toàn quyền sống chết. Có khi, một tiếng hét, Phật, Tổ khó biện. Có khi một tiếng hét, tám hướng thọ địch. Có khi một tiếng hét, tự cứu chưa xong. Hãy nói, một tiếng hét nào toàn quyền

sống chết. Hãy nói, một tiếng hét nào Phật, Tổ khó biện? Hãy nói, tiếng hét nào tám hướng thọ địch? Hãy nói, tiếng hét nào tự cứu chưa xong? Nếu nhắm trong đó tiến được mới kham đến cái on chẳng đến. Bằng như chưa được, Sơn Tăng không mộng, nói mộng.

Sư đưa cây phất tử lên hỏi:

- Thấy chẳng? Nếu thấy là bị vật che cái thấy.

Sư gõ giường Thiền hỏi:

- Lại nghe chẳng? Nếu nghe thì bị thanh trần làm mê hoặc. Dù cho rời thấy bật nghe, vẫn là tiểu quả của nhi thừa. Tiến lên một bước cho sắc cời tiếng toàn phóng, toàn thấu, chủ khách lẫn nhau. Sở dĩ nói: Muốn biết nghĩa Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên. Dám hỏi quý vị: Hiện nay là thời tiết gì?

Bát ngát gió lành phò thánh hóa,

Ôn hòa gió mát giúp thanh bình.

Sư ném cây phất tử xuống tòa.

Sau, có một vị Tăng đem những lời trên thuật lại cho Thiền Sư Thủy Am nghe. Thủy Am vỗ trán nói:

- Cái ấy không phải tướng nam, nữ. Những kẻ trượng phu ở trong chúng 5, 10 năm thảo luận cũng chẳng đến. Kẻ ấy, là người nữ, có tác lượng trượng phu, còn hơn bao nhiêu vị Trưởng lão (đồ soạn) sai luật lệ.

Không rõ Sư tịch lúc nào và ở đâu.

(TSVN do H.T Thanh Từ soạn dịch)



Sư Ni GIÁC CHON

Hiệu Trúc Lâm

Sư quê Đình An, Thái Châu. Buổi đầu, Sư đến tham vấn Thiền Sư Tuyết Điền Cảnh ở núi Ủy Vũ được tinh ngộ, liền bỏ nhà, cất am tự tu. Sau, Sư đến yết kiến Thiền Sư Cổ Ngu ở Dũng Tuyên.

Cổ Ngu hỏi:

- Con gái nhà lương thiện, chạy Đông, chạy Tây làm gì?

Sư thưa:

- Con đến yết kiến Hòa Thượng.

Cổ Ngu bảo:

- Ở trong đây, ta không thể dụng người.

Sư vỗ tay một cái, nói:

- Chỗ dùng ba mươi năm, hôm nay bị thua rồi.

Cổ Ngu liền thôi. Sư đến yết kiến Vô Tổ ở Am Xuân Vũ, Nhạn Sơn.

Vừa vào cửa, Sư nói:

- Mưa xuân tron như mỡ.

Người đi đường ghét sinh lây.

Vô Tổ nói:

- Chẳng phải, chẳng phải.

Sư toan nói thêm, bị Vô Tổ nạt đuổi ra. Về nhà, Sư cất am ở trước chùa Minh Nhon tại ấp Trung để tiếp khách qua lại. Có một vị Tăng mang một bao nón đi thẳng vào nhà, Sư hỏi:

- Ông là Tăng già?

Tăng đáp:

- Tăng hành khước.

Sư bảo:

- Giày cỏ dưới chân đã rách.

Vì sao ông không biết?

Tăng đáp không được.

Sư ném bao nón ra ngoài, bảo:

- Trong đây không có chỗ nào cho ông tạm nghỉ.

Lại có một vị Tăng khác, vừa vào cửa, Sư bảo:

- Đại sư Đạt Ma đến.

Tăng đáp:

- Không phải.

Sư bảo:

- Phải vẫn phải, chỉ vì lỗ mũi không giống.

Một hôm, Sư vào chùa Minh Nhon, thăm Ni Sư Khuê, vừa gặp nhau, Sư hỏi:

- Nghe Sư Ni khi hôm sanh được một đứa bé phải chăng?

Sư Ni Khuê đáp:

- Hãy nói, trai hay gái?

Sư đáp:

- Gà gặm chung đen chạy,

Rùa nhai nát cần câu.

(Kê hàm đặng trắng khừ,

Miết giải điều ngư can)

Không biết Sư tịch lúc nào và ở đâu.

(TSVN H.T Thanh Từ dịch, soạn)



Sư Ni PHÁP HẢI

Sư Pháp Hải ở chùa Tây Trúc, thuộc phủ Bình Giang, là cô của Báo Văn Lữ Gia. Sư ngộ Thiền nơi Thiền Sư Nhất Công. Các bậc danh nho thường đến thỉnh Sư ra ứng thế (độ đời). Nhưng Sư nhất quyết không nhận.

Khi sắp tịch, Sư nói kệ:

Sương thiên vân vụ kiết.

Sơn nguyệt lãnh cực huy,

Dạ tiếp cố hương tín,

Hiệu hành nhơn bất tri.

Dịch:

Trời sương mây mù kiết,

Núi lạnh đượm màu trăng,

Đêm nhận tin quê cũ,

Ngày đi người chẳng hay.

Đến sáng, Sư ngồi kiết già mà hóa.

(TSVN H.T Thanh Từ dịch, soạn)



Sư Ni TỐ CẦN

Sư người quê Cô Tô theo Hoắc Am thừa hỏi việc lớn. Sớm chiều tinh tấn, cần mẫn, khá lâu mới được tỉnh ngộ.

Có một tục quan đưa giấy xin kệ.

Sư viết:

- Chung nhật vi quan, bất thức quan,

Chung niên đa bị sử nhơn man,

Hát tát sử nhơn quan tử hiễn,

Hiện phiên Bắc Đẩu diện Nam Khan.

Dịch:

- Ngày tạm làm quan, chẳng biết quan Năm cùng luống bị, sử nhơn man.

Đuôi quách sử nhơn, quan tự hiễn.

Ngược sao Bắc đẩu, xem hướng Nam.

Có lắm nơi thỉnh Sư trụ trì. Sư cương quyết không nhận. Sau, Sư tịch tại Am Phong Kiên của họ Lý.

(TSVN H.T Thanh Từ dịch, soạn)



Sư Ni TRÍ NGỘ**Hiệu Liễu An**

Sư là con gái họ Vương ở Phước Châu, mồ côi cha từ thuở bé. Vừa 11 tuổi, Sư xin phép mẹ đi xuất gia. Sư tụng kinh Duy Đa Cát, đến câu: "Cõi nước chư Phật cũng thấy đều không". Bỗng nhiên, Sư đốn ngộ. Sư đến tham vấn Thiền Sư Tín ở Vân Phong. Sư Tín hỏi:

- Ni từ chỗ nào đến?

Sư thưa:

- Chẳng ở bên sông Nam Đài.

Sư Tín hỏi:

- Thế là ở chỗ nào?

Sư thưa:

- Chẳng biết.

Liên đi ra. Sư Tín quờ:

- Chạy nhảy làm gì? đáng ăn gậy trong tay của Sơn Tăng.

Sư đỏ mắt, xuất mồ hôi.

Hôm sau, Sư đến hỏi:

- Con hôm qua đáp lời Hòa Thượng có lỗi ở chỗ nào?

Sư Tín gằng giọng đáp:

- Lại đến trong ấy tìm lỗi.

Sư tâm ý rỗng lặng thưa:

- Trăng sáng soi thấy người đi đêm.

Sư Tín nhìn vị Tăng bên cạnh bảo:

- Xem y căn tánh chẳng phạm.

Bèn dùng kệ ẩn chứng có câu:

"... Tương phùng nhược vấn kỳ trung sự,

Phong giải Loa Giang lãng bá thiên".

Dịch:

- Gặp nhau nếu hỏi việc trong ấy,

Gió thổi Loa Giang sóng ngập trời"

Sư ở chùa Đại Khánh, thượng đường:

- Thiên quay thập nhị lan can giác,

Phong mãn Tam Thiên thế giới trung.

Nhiệt nảo biến thành thanh tịnh cảnh,

Thiền tâm đốn giác ngộ Chơn Không.

Dịch:

- Trời quay thập nhị lan can góc,

Gió thổi Tam thiên thế giới đầy

Nóng bức biến thành nơi mát mẻ,

Tâm thiền chóng giác ngộ Chơn không.

Sư đứng tựa cây gậy hỏi:

- Có chỗ nào cùng bàn?

Sư thượng đường nói:

- Dưới cửa Đại dương ngày ngày ba thu

Trước nhà Minh nguyệt, giờ giờ chín hạ

Người xưa nói thế ấy, chưa khỏi ngồi trong đó. Đại khánh thì cũng vậy.

- Núi chuyển nghi không lối,

Khe xoay riêng có lòng.

Sư thượng đường nói:

- Tơ liễu gió đùa, hoa hạnh tắm mưa.

Thích cái sanh cỏ, ưa nên tiến lấy. Sư cầm phất tử, gõ giường Thiền nói:

- Dốt! Sau ba mươi năm chẳng được làm cử.

Sư đệ tử Vân Phong Tín dòng Lâm Tế nhà Nguyễn.

(TSVN H.T Thanh Từ dịch, soạn)

**Sư Ni VIÊN ÁN**

Sư đến tham vấn Thiền Sư Chơn Diễn, hiệu Trúc Am, Chơn Diễn hỏi:

- Thế Tôn đưa cành hoa lên, Ngài Ca Diếp cười chum chim là cười cái gì?

Sư hét một tiếng, Chơn Diễn bảo:

- Một tiếng hét này rơi ở chỗ nào?

Sư thưa:

- Chẳng cần nghĩ đến.

Chơn Diễn đưa cây phất tử lên hỏi:

- Cái này là cái gì?

Sư thưa:

- Chẳng được vọng thông tin tức.

Chơn Diễn bảo:

- Vừa rồi, Sơn Tăng nói gì?

Sư thưa:

- Lời trước đâu còn.

Chơn Diễn bảo:

- Sơn Tăng tuổi già.

Sư thưa:

- Tuổi già thì được.

Sư lễ bái lui ra.

(Thời Vua Khang Hy nhà Thanh)

(TSVN H.T Thanh Từ dịch, soạn)



Sư Ni HUỆ QUANG

Sư nguyên họ Phạm, ở Thành đô, là cháu của người viết sách hiệu Đường Giám. Sư ở ngôi chùa tên Diệu Huệ Ni tự ở Đông Đô, do đại Sư Tịnh Trí Huệ Quang trụ trì.

Khi nhà vua ban pháp y cho các Trưởng lão nhà Thiền trong cung, Sư cũng có đến dự. Nhân vua ra lệnh theo thứ tự thuyết pháp, Sư lại nhận lời cuối cùng. Lúc thăng tòa hỏi đáp xong, Sư quay nhìn đại chúng nói:

- Nếu luận việc nói đạo, nói Thiền thì các đại Thiền Sư đã nói hết rồi. Còn bảo Sơn Tăng đến đây nói cái gì được nữa. Há không thấy Tiên Đức ngăn loại lời, muôn thứ kiến giải, chỉ muốn dạy các ông hăng dưng mê nữa đó sao?

Đã như thế thì cuối cùng thế nào?

Sư bèn lấy Pháp Y đội lên đầu, làm thỉnh một lúc, rồi nói:

- Nạp bí môn đầu vạn sự hư.

(Y đặt trên đầu muôn sự thôi).

Đến đây, Sơn Tăng tròn chẳng hội.

Nói xong, Sư xuống tòa.

Người nghe, cả Tăng lẫn tục hàng vạn đều thán phục. Do đó Xá nhân Hàn Tử Thương làm bài kệ Minh đặt ở tháp của Sư, khen là bậc đa văn, giỏi lý luận.

Tháp của Sư dựng ở đất Thánh Tướng Tây Sơn Dự Chương.

(S.C Hạnh Huệ soạn, dịch)



Thánh Ni TÁNH TƯỚNG

Sư Ni Tánh Tướng, quê ở Ích Châu, họ Dương, cha tên Dương Vỹ, làm đạo sỹ hiệu Tam Động Tiên Sinh. Sư là chị của Đạo sư Huệ Khoan. Mới sanh đã biết đạo, trọn ngày Thiền tịch. Thường cùng Huệ Khoan (mới 5,6 tuổi) đàm luận, chẳng bàn chuyện đời, người nghe không ai hiểu được. Sau, Huệ Khoan xuất gia, Sư cũng xuất gia theo.

Ở chùa Tịnh Huệ có một vị Tăng nhập định, khắp chùa lửa hồng rực rỡ, người ta không biết chuyện gì. Sư bảo:

- Đây là Tôn Giả Hòa tự nhập Hóa Quang Tam Muội, dùng nước diệt thì có thể vào được.

Sư bèn nhập Thủy quán, một nhà lạng lẽ, chỉ thấy nước, không thấy hình hài đâu cả. Vị Tăng khâm phục khen ngợi, cho là đặc quả, người đời cũng gọi là Thánh Ni.

(S.C Hạnh Huệ soạn, dịch)



Đạo Nhân MINH THẮT

Đạo nhân Minh Thắt tên Bồn Minh, chẳng rõ thuộc dòng họ nào. Tự khế cơ với Ngài Viên Ngộ, rồi đi tham vấn tất cả các bậc danh túc. Đến đâu cũng được ấn khả.

Niên hiệu Thiệu Hưng, năm thứ 10 (1140 dl) ngày rằm tháng hai, viết ba bài kệ, trình Ngài Thanh Vi ở Thảo Đường:

- Kệ 1:

- Bất thức phiền não thị Bồ đề,
Nhược tùy phiền não thị ngu si.

Khởi diệt chi thời tu yếu hội,
Diện quá Tân La nhân bất tri.

Dịch:

- Chẳng biết phiền não là Bồ đề,
Nếu theo phiền não thật ngu si.
Ngay khi khởi diệt cần nên hội,
Xa quá Tân La người chẳng hay.

Kệ 2:

- Bất thức phiền não thị Bồ đề,
Tinh hoa sanh ú nê,
Nhân lai vấn ngã nhược hà vi?
Khiết chúc, khiết phạn tỳ bát bồn

Dịch:

- Chẳng biết phiền não là Bồ đề,
Hoa trong trắng sanh trong bùn đọng.
Người đến hỏi ta làm thế nào?
Aên cháo, ăn cơm rồi rửa bát.

Kệ 3:

- Mạc quần tha, mạc quần tha,
Chung nhật si hàm lộng hải sa.
Yếu thức bồn lai chân diện mục,
Tiện thị Tổ sư nhất mộc xoa.

Đạo bất đắc đích xoa hạ từ,

Tất cách như hà?

Bất hứa dạ hành,

Đầu minh tu đáo.

Dịch:

- Chớ để ý nó, mặc kệ nó,
Suốt ngày si ngốc, đùa cát biển.
Cần biết bồn lai chân diện mục,
Chính là cây mộc xoa của Tổ Sư.
Nói chẳng được thì chết dưới cây mộc xoa.
Nói được cũng chết dưới mộc xoa, Rốt cuộc thế nào?
Chẳng cho đi đêm,
Đợi sáng hãy đến.
(S.C. Hạnh Huệ soạn, dịch)



Đạo nhơn TỊCH THỌ

Đạo nhơn Tịch Thọ họ Phạm, người Thành Đô, góa chồng ở vậy nhiều năm. Thường ngồi chắng năm. Nghe Ngài Viên Ngộ trụ chùa Chiếu Giác, bèn đến thỉnh Ngài chỉ dạy, Viên Ngộ dạy tham:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?

Đạo nhơn tham rất lâu mà không khế hội. Bèn hỏi Viên Thông:

- Ngoài đây ra, còn có phương tiện nào khiến con hội được?

Viên Ngộ nói:

- Có một phương tiện. Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Đạo nhơn liền tỉnh ngộ, bèn nói:

- Té ra, gần gũi đến thế.

(S.C. Hạnh Huệ soạn, dịch)



Đạo nhơn TAM KHÔNG

Đạo nhơn chẳng rõ họ gì, đến tham vấn Thiền Sư Thiên Minh Đàm, khán công án chữ "Vô" của Triệu Châu suốt 30 năm.

Một hôm, Đạo nhơn trở lại gặp Sư hỏi:

- Lúc sanh, từ đến thì thế nào?

Sư hỏi vặn lại:

- Sanh là ai ? Tử là ai?

Đạo nhơn cúi đầu tham hỏi.

Sư lại hỏi như trước.

Đạo nhơn lại cúi đầu tham hỏi.

Sư quờ:

- Kỵ nhất là chết ở trong đây.

Đạo nhơn đưa râu chuôi lên nói:

- Đếm chuôi 108.

Vài ngày sau, Đạo nhơn mắc bệnh nhẹ, nói bài kệ rồi tịch.

(S.C. Hạnh Huệ soạn, dịch)



CÔ LINH CHIẾU

Cô Linh Chiếu là con gái của Cư sĩ Bàn Long Uẩn. Một hôm, Thiền Sư Đôn Hà đến thăm Cư sĩ, thấy Linh Chiếu đang rửa trà, Đôn Hà hỏi:

- Cư Sĩ có nhà không?

Linh Chiếu buông giỏ trà xuống, khép tay đứng yên. Đôn Hà lại hỏi:

- Cư Sĩ có nhà không?

Linh Chiếu cầm giỏ lên bước đi.

Cô về thuật lại cho Cư Sĩ nghe.

Cư Sĩ nói:

- Đất đó trét vú trâu.

Cư Sĩ cùng vợ là Hành Bà và cô Linh Chiếu đang ngồi, Cư Sĩ nói:

- Khó, khó, khó! Mười tạ dầu mè vuốt trên cây.

(Nan, nan, nan ! Thập tạ du mạ thọ thượng thang)

Bà nói:

- Dễ, dễ, dễ ! trên đầu trăm cỏ ý Tổ Sư.

(Dị, dị, dị! Bách thảo thượng đầu Tổ sư ý).

Cô Linh Chiếu nói:

- Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ,

Đói đến thì ăn, mệt thì ngủ.

(Dã bất nan, dã bất dị,

Cơ lai khiết phạn, khốn lai thù)

Cư Sĩ nói:

- Chi như nói: Rõ rõ ý Tổ Sư.

Rõ rõ đầu trăm cỏ? Làm sao hội?

Cô Linh Chiếu nói:

- Đã già cả mà nói lời thế ấy.

- Con nghĩ thế nào?

- Rõ rõ đầu trăm cỏ. Rõ rõ ý Tổ Sư.

Cư Sĩ bèn cười to.

Ngày nọ, Cư Sĩ đi bán giỏ tre. Đang bước xuống cầu bị trượt. Linh Chiếu thấy cũng té theo. Cư Sĩ hỏi:

- Con làm gì vậy?

Linh Chiêu đáp:

- Thấy cha té, con nâng phụ

Cư Sĩ sắp đến lúc nhập diệt, bảo với Linh Chiêu rằng:

- Con coi mặt trời sớm trễ, đứng ngọ báo cho cha biết.

Linh Chiêu ra cửa, vội báo:

- Mặt trời đã đứng ngọ, mà có nhật thực, cha ra xem thử.

- Có như vậy sao?

- Có mà.

Cư Sĩ rời khỏi chiếu, đến bên cửa sổ. Linh Chiêu bèn lên giường, lẹ làng ngồi kiết già thị tịch.

(S.C. Hạnh Huệ soạn, dịch)



THÔI LUYỆN SƯ

Phu nhân của Mân Soái là Thôi Thị, tự Luyện Sư. Một hôm, Luyện Sư sai sứ mang Y và lễ vật đến Thiền Sư Huệ Lăng ở Trường Khánh và xin thư hồi âm.

Sứ giả đến thưa y như vậy.

Huệ Lăng bảo:

- Về bảo Luyện Sư nhận hồi âm.

Sứ trở về đến trước Luyện, Sư nói:

- Xin nhận hồi âm.

Hôm sau, Luyện Sư vào Phủ thưa:

- Cảm ơn, Đại Sư hôm qua đã đáp lời.

Huệ Lăng bảo:

- Đưa lời đáp hôm qua ra xem.

Luyện Sư đến trước, vòng tay lại.

Mân Soái liền hỏi Thiền Sư Huệ Lăng :

- Vừa rồi, Luyện Sư trình thư có hợp ý Đại Sư chăng?

Huệ Lăng đáp:

- Còn so sánh chút ít.

Mân Soái hỏi:

- Chưa rõ ý Đại Sư thế nào?

Huệ Lăng im lặng.

Mân Soái nói:

- Chẳng thể nghĩ lường, Phật pháp của Đại Sư sâu xa thay!

(Ngũ Đẳng Hội Nguyên)



TÀN QUỐC PHU NHON

Phu nonh Tàn Quốc họ Kế, tên Pháp Chơn là mẹ của Trương Lăng Ngụy Quốc Công. Góa chồng sớm, tánh nghiêm nghị, dạy con rất phép tắc, thường ăn rau quả, ưa bỏ thí, tụng kinh lễ Phật, có thời khóa hằng ngày.

Thiền sư Đại Huệ Tông Cáo, trụ ở Kinh Sơn (Cảnh Sơn) thường sai học trò là Đạo Khiêm, đem thư đến Trường Sa hầu Ngụy Quốc Công.

Ngụy Công hỏi:

- Mẹ tôi tu hành 40 năm, chỉ thiếu một điều này.

Rồi lưu Đạo Khiêm lại, sớm tối đàm đạo. Gặp phu nonh, phu nonh hỏi rằng:

- Hòa Thượng Kinh Sơn dạy người thế nào?

Đạo Khiêm nói:

- Hòa Thượng dạy người khán: "Con chó không Phật tánh" và "Cây trúc bẻ". Chỉ là không được nói, không được suy nghĩ, không được hưởng chỗ khởi cũ mà thôi, không được hưởng chỗ mở miệng mà thừa đương. Muốn biện rõ việc này, hãy thôi xem Kinh, lễ Phật, hết lòng tham cứu, chớ để công phu gián đoạn. Nếu một bề chấp chặt xem Kinh, lễ Phật, mong cầu công đức, cũng là việc chướng đạo. Đợi đến khi một niệm tương ưng, sẽ xem Kinh, lễ Phật như cũ. Lúc ấy, dù là một nén hương, một cành hoa, một niêm, một bái, đều là diệu dụng của Phật. Chỉ cần chịu tin nhau, chắc chắn chẳng làm lầm nhau.

Phu nonh tin lời, bèn ra sức tham cứu câu trên. Một hôm, canh năm vừa dậy, ngồi lên, chợt có tỉnh, làm kệ trình Ngài Đại Huệ:

Trực nhật khán kinh văn,

Như phùng cự thức nhân.

Mạc ngôn tầm hữu ngoại,

Nhất cử, nhất hồi tâm.

Dịch:

Suốt ngày xem văn, kinh,

Như gặp người quen thân.

Chớ nói có chướng ngại,

Lần nào xem cũng mới.

Đại Huệ, đáp thư rằng:

- Đạo Khiêm, trở về đem thư và mấy bài tụng của Phu Nonh. Ban đầu, tôi rất nghi. Đến lúc, hỏi lại Đạo Khiêm mới rõ gốc ngọn. Việc bao kiếp chưa sáng, nay hoá nhiên hiện trước mắt, chẳng phải từ người mà được. Vì thế, tôi hoan hỷ đến mấy ngày.

Con bà làm Tể Tướng, bà làm Quốc Phu nonh, cũng chưa đủ làm quý. Quét được đồng phân, lượm được của báu vô giá, trăm kiếp ngàn đời, thọ dụng bất tận, mới thật đáng quý. Nhưng, cần nhất là chẳng được chấp trước cái

quý này. Nếu chấp trước thì đọa vào tôn quý, chẳng khởi lòng từ bi, thương xót hữu tình.

Niên hiệu Thiệu Hưng 16 (? dl) Phu nhơn sắp mất, bảo Ngụy Quốc Công rằng:

- Lão thân (mẹ) có ân sâu chưa báo. Hãy sai người đón tiếp, cúng dường Ngài Đại Huệ một năm.

Ngụy Công bèn sai sứ rước Đại Huệ tới. Ngài vừa đến, Phu nhơn từ trần. Linh sàng để ở Từ Đường, chùa Quang Hiếu, chôn xong, Ngài mới trở về.

(S.C. Hạnh Huệ soạn dịch)



SIÊU NHẤT TỬ

Siêu Nhất Tử con gái họ Ân, góa chồng sớm, đóng cửa học đạo. Ba năm sau, ngồi tịch, có để lại một quyển thơ kệ. Trong đó, có một bài, như sau:

Tĩnh trung vô cá sự,

Phản phú lộng hư không.

Địa lão thiên hoang hậu,

Hồn phi phách tán trung.

Hữu Sư khai đạo thống,

Vô pháp độ ngu mê.

Hốt để hư không toái,

Tịch dương y cựu hồng.

Dịch:

- Lặng lẽ không một việc,

Lật lờng đùa hư không.

Sau trời hoang đất cõi,

Trong hồn mất phách tan.

Có thầy khai mối đạo,

Chẳng pháp độ ngu mê.

Chợt hư không nát nát

Tịch dương như xưa hồng.

Và một bài xem hoa:

- Thổ lai kiêu quán thủy lai tài,

Điên đảo công phu nhậm ngã tai.

Mãn diện xuân phong hoa tự nữ,

Bất tương nhan sắc hưởng niên khai.

Dịch:

- Đến đất tưới nước rồi trồng hoa,

Mặc tình tôi làm đủ mọi cách.

Khắp cả Viện khi gió Xuân thổi đến,

Hoa tự nói rằng:

"Chẳng phải đem hương sắc nở, cho người xem đâu!".

(S.C. Hạnh Huệ soạn, dịch)

THIÊN SƯ NI VIỆT NAM**Sư Ni DIỆU NHÂN****(1041-1113)**

Sư tên là Ngọc Kiều, là trưởng nữ của Phụng Loát Vương. Thuở nhỏ, Sư thiên tư thuần hậu, ngôn hạnh đoan trang, được Vua Lý Thánh Tông nuôi trong cung. Lớn lên, Vua gả cho người họ Lê làm Quan Châu Mục ở Chân Đăng.

Chồng mất, Sư tự thệ thủ tiết, không chịu tái giá. Một hôm, Sư than:

- Ta xem tất cả Pháp thế gian như giấc mộng huyền ảo. Huống là các thứ phù vinh mà đáng trông cậy sao?

Thế rồi, Sư đem tất cả tư trang ra bỏ thí, cạo tóc xuất gia. Đến Thiền Sư Chân Không ở làng Phù Đổng, xin thọ giới Bồ Tát và học hỏi tâm yếu.

Thiền Sư Chơn Không cho Sư pháp danh Diệu Nhân và dạy trụ trì Ni Viện Hương Hải ở làng Phù Đổng, Huyện Tiên Du (Hương Hải Ni viện cũng gọi là chùa Linh Ứng, hiện nay nằm cạnh chùa Kiến Sơ thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh).

Hàng ngày, Sư gìn giữ giới luật và hành Thiền được Chánh định, là bậc mẫu mực trong Ni chúng thời ấy.

Có người đến cầu học, Sư dạy họ tu tập Đại thừa, dạy rằng :

- Chỉ tánh mình trở về nguồn, đốn, tiệm liền tùy đó mà vào.

Thường ngày, Sư chỉ thích ngồi lặng lẽ, có bệnh kỵ thính, sắc, ngôn, ngữ. Có Học giả hỏi:

- Tất cả chúng sanh bệnh, nên ta bệnh? Tại sao lại kỵ sắc, thính?

Bà nương theo Kinh đáp:

- Nếu dùng sắc thấy ta,

Dùng âm thính tìm ta,

Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai!

- Tại sao ta ngồi yên?

- Xưa nay không đi.

- Thế nào chẳng nói?

- Đạo vốn không lời.

Năm Đại Trường Hội Khánh thứ 4, (1113 dl) ngày mùng 1 tháng 6, bà có bệnh, nói kệ, dạy chúng:

Sanh, lão, bệnh, tử,

Tự cổ thường nhiên.

Dục cầu xuất ly,

Giải phục thêm phiền.

Mê chi cầu Phật,

Hoặc chi cầu Thiên.

Thiên, Phật bắt cầu, Ủng khẩu vô ngôn.

Dịch:

Sanh, già, bệnh, chết,

Xưa nay là thường.

Muốn cầu thoát ra,

Mở trí thêm ràng.

Mê đó tìm Phật,

Lầm đó cầu Thiên.

Phật, Thiên chẳng cầu,

Ủng miệng không lời.

Nói kệ xong, bà cạo tóc, tắm rửa thân thể, ngồi kiết già viên tịch. Thọ 72 tuổi

(TSVN. H.T. Thanh Từ)

**Sư Ni TUỆ THÔNG****(Giữa thế kỷ 14)**

Sư họ Phạm, con gái của một gia đình đời đời làm quan. Sư xuất gia, tu ở trên núi Thanh Lương.

Sư tu khổ hạnh, trì giới chuyên cần, tuệ giải thông suốt. Thường ngồi Thiền định, diện mạo giống hệt A La Hán. Kê đạo, người tục, xa gần đều kính mộ. Danh tiếng Sư lừng lẫy, là bậc Tông Sư của Ni chúng cả nước, tên tuổi ngang hàng với bậc Cao Tăng.

Vua Trần Nghệ Tông (1370-1372 dl) ban hiệu là Tuệ Thông Đại Sư.

Về già, Ni Sư dời về Động Sơn. Một hôm, Sư bảo đệ tử rằng:

- Ta muốn đem thân hư ảo này bỏ thí cho hổ lang một bữa no.

Sư bèn vào giữa núi sâu ngồi kiết già, không ăn uống 2 ngày. Hổ lang ngày ngày đến ngồi chung quanh mà không dám đến gần. Đồ đệ nài ni Sư trở về Am. Về Am, Sư đóng cửa nhập định qua một mùa hè, rồi tập họp đệ tử lại giảng đạo, bỗng nhiên ngồi tịch, tuổi ngoài 80. Lúc hỏa táng có rất nhiều Xả Lợi. Quan sở tại xây tháp cho Sư ngay trên núi đó.

Trước khi tịch, Sư dạy đệ tử:

- Sau khi Ta đi, nên chia bớt xương Ta lại đây, để mài rửa tật bệnh cho người đời.

Đến khi nhặt xương, đệ tử thấy không đành, bèn cho hết vào trong hộp phong lại. Qua đêm, bỗng nhiên có một chiếc xương cùi tay trên bàn ngoài hộp. Mọi người đều kinh ngạc về sự linh nghiệm của Sư.

Về sau, có người mắc bệnh đến khẩn cầu, đệ tử đem xương mài với nước cho rửa, mọi người đều lành bệnh ngay. Sự thệ nguyện của Sư sâu rộng như thế.

Không biết Ni Sư thuộc hệ phái nào.

(Theo TSVN do H.T Thanh Từ trích dịch "Nam Ông Mộng Lục")



CHÁNH PHI HỌ LÊ

Chánh phi họ Lê, là con gái nhà chú Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Tường gọi bằng Cô. Lớn lên, làm Chánh phi của Vua Trần Duệ Tông, sinh ra Linh Đức Vương (tức Phế Đế). Bà được phong Minh Từ Hoàng Thái Phi Lê Thị.

Năm 1377 dl, vua Trần Duệ Tông đánh Chiêm chết, bà bèn xuất gia. Khi đi, Vua Trần Duệ Tông chọn Linh Đức lên làm vua. Bà cố từ chối thay cho Linh Đức, bà khóc, nói:

- Con tôi phúc mỏng, khó đương nổi ngôi to, chỉ có mắc tai vạ thôi. Cố chúa lia đời, kẻ chưa mất này chỉ muốn chết cho chóng, không muốn thấy việc đời, huống là nhìn con tôi sắp nguy khôn ư ?

Nhưng không được.

Rồi, bà dốc chí tu hành, trong vòng 5,6 năm mà bà đốt tay, đốt trán, cúng dường đủ hết. Sớm chiều tụng, niệm, một bề chuyên tâm Thiền định.

Về sau, bà thị tịch trong lúc đang nhập định.

Đến lúc, Linh Đức bị phế xuống Phù Thái Dương và bị bắt thắt cổ chết, để lập Chiêu Định Vương. Mọi người, ai cũng phục bà là người sáng suốt, thấy trước sự việc. Và lại, cảm sự trung thành và tiết tháo của bà, vừa vào cửa Phật, liền chóng liễu ngộ.

Các phi Tần nhà Trần cũng lắm người hiền đức. Nhưng bà là người tiết tháo hơn hẳn.

(TSVN do H.T. Thanh Từ soạn, dịch theo tài liệu của Tuấn Nghi trong Thơ Văn Lý Trần III)



Sư Ni HỌ LÊ

Sư tên Lê Thị Nữ, không biết quê quán ở đâu, chỉ biết lúc chưa xuất gia, cô thuộc gia đình nhà giàu, trẻ đẹp, hiếu thảo, lo phụng dưỡng cha mẹ, không chịu lấy chồng. Sau khi cha mẹ mất mới chịu xuất giá, nhưng không bao lâu thì chồng chết, cô không chịu tái giá, nhưng bị nhà quyền thế áp bức, cô bèn xuống tóc, xuất gia tu hành.

Sư lập Am trên núi, gần Bà Rịa, giữ giới luật tinh nghiêm, chí tâm tu hành, đạt thành chánh quả. Vì vậy, người đời sau gọi núi đó là núi Thị Vải hay là núi Nữ Tăng.

Sách Đại Nam Thống Chí viết:

- Núi Nữ Tăng ở Đông Nam, Huyện Long Thành 12 dặm. Tục gọi là núi Thị Vải, đất đá xen lộn, cây cối lên cao.

Từ tinh Gia Định trông đến như hòn ngọc Thượng Đế trưng bày, tượng trưng tốt đẹp. Nhân dân ở đây nhờ nhiều món lợi: cây gỗ, dầu thông, chim muông, than củi. Xưa, có Ni Cô tên Lê Thị Nữ dựng Am ở tại núi ấy, nên gọi là núi Nữ Tăng.

Sách Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức có viết:

- Núi Nữ Tăng tục gọi là núi Bà Vải ở địa phận Long Thành. Xưa, có người con gái họ Lê, gia từ giàu có, nhưng bị lỡ thời, sau khi cha mẹ mất rồi, mới có chồng. Không bao lâu, chồng chết, Bà thê không tái giá, lại bị kẻ cường hào cậy mai mối thường đến quấy nhiễu.

Bà bèn cao đầu, lập Am ở đỉnh núi, tự làm thầy Cả, cùng bạn đồng tộc giữ lòng tu trì, sau thành chánh quả, người ta nhơn đó đặt tên núi.

(TSVN H.T. Thanh Từ trích Đại Nam Thống Nhất Chí)



Sư Ni HỌ TÔNG

Sư Ni tên Tông Thị Lương, con một nhà giàu có ở Hà Tiên, thùy mị, siêng năng, giỏi về nữ công, giàu nữ hạnh. Sau khi cô đến 16 tuổi, nhiều nhà quyền quý cậy người đến cầu hôn, nhưng tất cả đều bị từ chối. Cha mẹ trách cứ, cô thưa:

- Nhơn duyên của con phải nhờ Đức Phật chỉ giáo.

Tương truyền, bỗng một hôm có một vị Sư lạ vào nhà thuyết giảng Pháp Phật, người nhà cho gì Sư cũng không lấy, mà chỉ nâng nặc xin cho được chiếc áo lót đang phơi ngoài sân, áo ấy lại là của cô. Cha mẹ thấy việc bất nhĩ như thế, nên xua đuổi lớn tiếng. Cô chạy ra khuyên can cha mẹ. Vị Sư chỉ mỉm một nụ cười rồi đi thẳng. Sau khi nhà Sư đi khỏi, lúc nào cô cũng thấy dường như có đức Phật hiện ra bên cạnh, nên xin cha mẹ cho thể phát đi tu. Cha mẹ khuyên nhủ hết lời, mà cô khăng khăng một mực, nên về sau, cũng đành chiều theo ý của cô, cho lập Am Quan Âm ở bên trái núi Đại Kim, trên đảo Đại Kim cho cô tụng niệm, tu hành.

Cô thêu một bức hình Bồ Tát Quan Âm rất lớn, cứ mỗi mũi kim lại niệm Phật một câu, mất ba tháng mới xong. Bức tranh treo lên, trông rất sống động như vị Phật sống, cô để thờ trong Am.

Am Quan Âm của Ni Cô Tông Thị Lương ở núi Đại Kim, nằm trên đảo Đại Kim.

Đảo Đại Kim nằm ở phía Nam Trấn - chu vi 139 trượng 5 thước. Đảo này ngăn đón sóng cồn, làm hạt ngọc biển cả Trấn. Nơi bờ Bắc có cái cầu ván thông ra ngoài, phía sau có Viện Quan Âm, phía tả có Điều Đình. Người du ngoạn thường khi trăng thanh, gió mát đến đây thả câu, ngâm vịnh thong dong.

Đây là Cảnh Kim Dự Lan Đào "Đảo kim Ngăn Sóng" trong 10 cảnh đẹp của Trấn Hà Tiên.

(TSVN do H.T Thanh Từ trích Đại Nam Tiền Liệt Tiên Biên quyển 6)